BÁO CÁO VĨ MÔ & THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Biến cơ hội thành giá trị

Tháng 04 năm 2023

Biến cơ hội thành giá trị

Mục Lục

Tóm tắt tr.3

Kinh tế Vĩ mô tháng 03.....tr.4

Tổng quan TTCK tháng 03.....tr.16

Triển vọng TTCK tháng 04.....tr.33

Lịch sự kiện tháng 04 .....tr.37

Danh sách mã khuyến nghị năm 2023.....tr.38

Tuyên bố miễn trừ..... tr.46

TÓM TẮT

- Thị trường chứng khoán tăng trở lại trong tháng 3 sau diễn biến giảm mạnh trong tháng 2. Nhà đầu tư có phản ứng tích cực với các chính sách của Chính phủ nhằm hỗ trợ nền kinh tế qua việc giảm lãi suất điều hành, ban hành Nghị định 08 sửa đổi Nghị định 65 giải tỏa điểm nghẽn trái phiếu. Dòng tiền tập trung vào nhóm cổ phiếu ngân hàng, chứng khoán, BĐS, nhóm cổ phiếu được hưởng lợi trực tiếp từ xu hướng hạ lãi suất.
- Dòng tiền ETF có xu hướng rút ròng trên các thị trường ở Đông Nam Á trong tháng 3, cụ thể Thái Lan (-13 triệu USD), Philippines (-24 triệu USD), Indonesia (-43 triệu USD). Việt Nam vẫn là điểm sáng của thu hút dòng vốn ETF trong khu vực Đông Nam Á, hút ròng 63 triệu USD trong tháng 3 và 204 triệu USD kể từ đầu năm. Fubon là quỹ hoạt động tích cực nhất tại Việt Nam trong tháng 3 với 65 triệu USD hút ròng.
- Các chỉ số vĩ mô Quý I phản ánh nền kinh tế gặp nhiều khó khăn do chịu tác động từ bối cảnh giá nguyên vật liệu tăng, lạm phát cao dẫn tới nhu cầu từ bên ngoài sụt giảm vốn đã bắt đầu xuất hiện từ Quý IV/2022. Với GDP quý I tăng trưởng 3,32%, để đạt kế hoạch tăng trưởng cả năm 6,5%, tăng trưởng bình quân các quý còn lại phải đạt 7,5%, mục tiêu rất thách thức. Tuy nhiên, với việc giảm lãi suất điều hành, tăng cường chi tiêu công và lĩnh vực bán lẻ, dịch vụ tiếp tục phục hồi, nền kinh tế được dự báo sẽ có những chuyển biến tích cực hơn trong Quý II/2023.
- Thị trường Việt Nam đang giao dịch ở mức P/E dự phóng cho năm 2023 là 10,16x, mức thấp nhất trong số 6 quốc gia so sánh. Chỉ số VN-INDEX mặc dù phục hồi kém hơn so với các chỉ số chứng khoán trong khu vực nhưng với định giá thấp và thực tế thị trường chứng khoán Việt Nam thường có độ trễ 02-03 tháng so với các thị trường khác, có thể kỳ vọng VN-INDEX sẽ phục hồi tốt hơn trong Quý II/2023.
- Về phương diện kỹ thuật, khoảng thời gian tích lũy 6 tuần trong tháng 2/2023 - 3/2023 đã tạo ra các nền tảng tương đối chặt chẽ đối với chỉ số Index và nhiều nhóm cổ phiếu, qua đó giúp cho đợt hồi phục là khá tin cậy. Dự báo thị trường sẽ tiếp tục phục hồi trong tháng 4/2023, vận động trong kênh tăng ngắn hạn với mục tiêu hướng tới là khu vực 1.150 điểm.
- Danh mục cổ phiếu do phòng Phân tích SHS khuyến nghị hiện gồm 16 mã cổ phiếu. Diễn biến chỉ số danh mục SHS khuyến nghị tích cực hơn chỉ số VN-Index. Tại thời điểm cuối tháng 3/2023, VN-Index tăng 1,99% trong khi Danh mục cổ phiếu SHS khuyến nghị tăng 4,68%.
- Cổ phiếu khuyến nghị trong tháng: GVR

KINH TẾ VĨ MÔ
THÁNG 03

KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 3

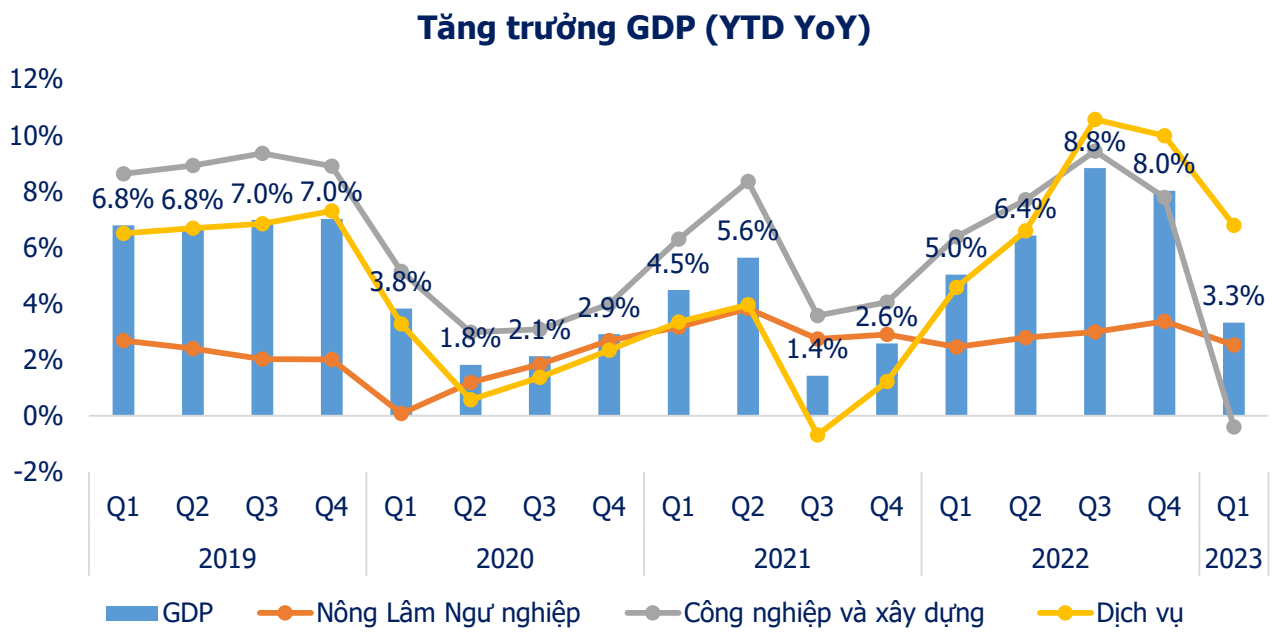

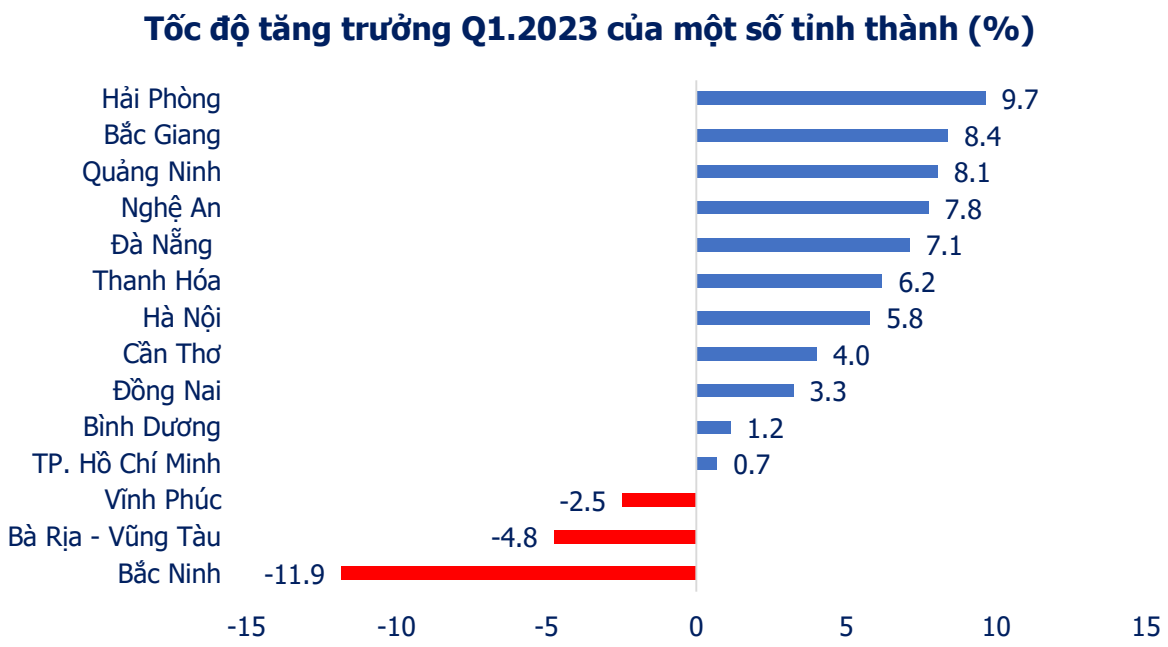

Nguồn: GSO, SHS tổng hợp

Tốc độ tăng GDP giảm mạnh. Tăng trưởng GDP cả nước Quý I/2023 đạt 3,32%, thấp hơn đáng kể so với kế hoạch 5,6% của Chính phủ, trong đó có 5/63 tỉnh thành có mức tăng trưởng âm. Các tỉnh thành là trung tâm công nghiệp lớn như Bắc Ninh, Vĩnh Phúc tăng trưởng âm, Bình Dương chỉ tăng trưởng 1,2%, các tỉnh thành có quy mô GDP lớn nhất cả nước năm 2022 là TP.HCM, Hà Nội, Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa Vũng Tàu có tốc độ tăng trưởng giảm mạnh trong QI/2023, đặc biệt tại Bà Rịa Vũng Tàu và đầu tầu tăng trưởng TP. HCM, phản ảnh rõ nét đà suy giảm của lĩnh vực công nghiệp, xây dựng và hoạt động xuất nhập khẩu. Trong Quý I, lĩnh vực công nghiệp và xây dựng giảm 0,4% so với cùng kỳ, kim ngạch xuất nhập khẩu lần lượt giảm 11,9% và 14,7% so với cùng kỳ.

Với kết quả GDP Quý I, để đạt kế hoạch tăng trưởng cả năm 6,5%, tăng trưởng bình quân các quý còn lại phải đạt 7,5% (Quý II ước tính đạt 6,7%, tương đương kế hoạch của Chính phủ, Quý III đạt 7,5% và Quý IV đạt 8%) là mức tăng nhiều thách thức. Điểm tích cực là sự chỉ đạo điều hành quyết liệt, nhanh chóng của Chính phủ với 2 lần giảm lãi suất điều hành trong tháng 3, ban hành Nghị định 65 sửa đổi giải tỏa điểm nghẽn trái phiếu, nghiên cứu giãn, hoãn nợ, không chuyển nhóm nợ cho doanh nghiệp bất động sản xây dựng… được kỳ vọng sẽ giúp tăng trưởng GDP có cải thiện trong Quý II.

KINH TẾ VĨ MÔ NĂM THÁNG 3

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 3 tăng 9,6% MoM, tuy nhiên lại giảm 1,6% YoY. Tính chung 3 tháng đầu năm, IIP giảm 2,2% so với cùng kỳ do kinh tế toàn cầu suy giảm, chi phí đầu vào tăng, lãi suất tăng khiến các đơn hàng và kim ngạch xuất khẩu giảm. Trong đó ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giảm mạnh nhất với 2,4%, đóng góp vào mức giảm chung 1,6%.

PMI tháng 03 lại xuống dưới ngưỡng 50 - chỉ đạt 47,7 điểm do sự suy giảm của đơn hàng (cả tổng đơn đặt hàng lẫn đơn đặt hàng xuất khẩu mới), sản lượng và việc làm. Điều này cho thấy điều kiện hoạt động kinh doanh bị thu hẹp mạnh trong tháng 3:

- Ngành sản xuất có bước đi lùi trong tháng 3 nhìn chung đã phản ánh bức tranh tương đối ảm đạm của nhu cầu. Cả tổng số lượng đơn đặt hàng mới và số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới đều giảm sản lượng. Sản lượng ngành sản xuất cũng giảm trong tháng 3 sau khi tăng trong tháng 2. Tuy nhiên, mức giảm chỉ là khiêm tốn.
- Trong bối cảnh sản xuất suy giảm, các nhà sản xuất đã giảm hoạt động mua hàng và việc làm.
- Giá cả đầu vào đã tăng chậm hơn do có những dấu hiệu cho thấy áp lực lạm phát đã giảm và các công ty vẫn muốn cạnh tranh về giá cả để thúc đẩy nhu cầu nên giá cả đầu ra chỉ tăng nhẹ trong tháng 3.

Chỉ số sản xuất công nghiệp (%MoM)

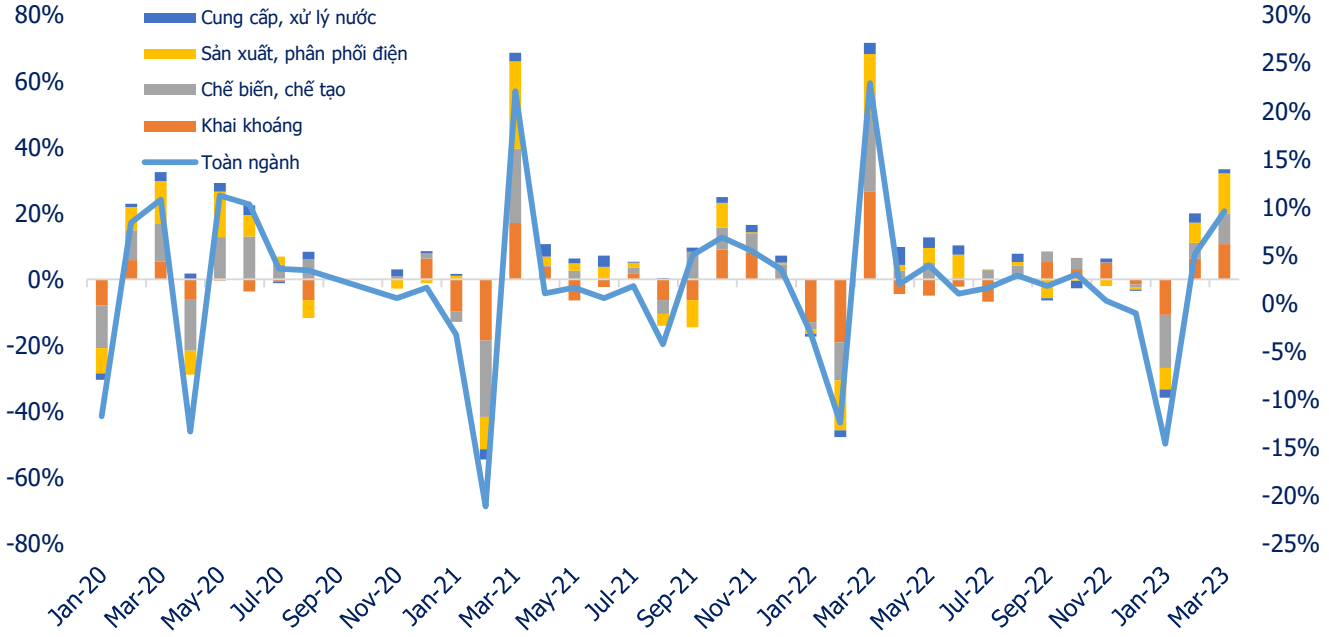

Chỉ số PMI

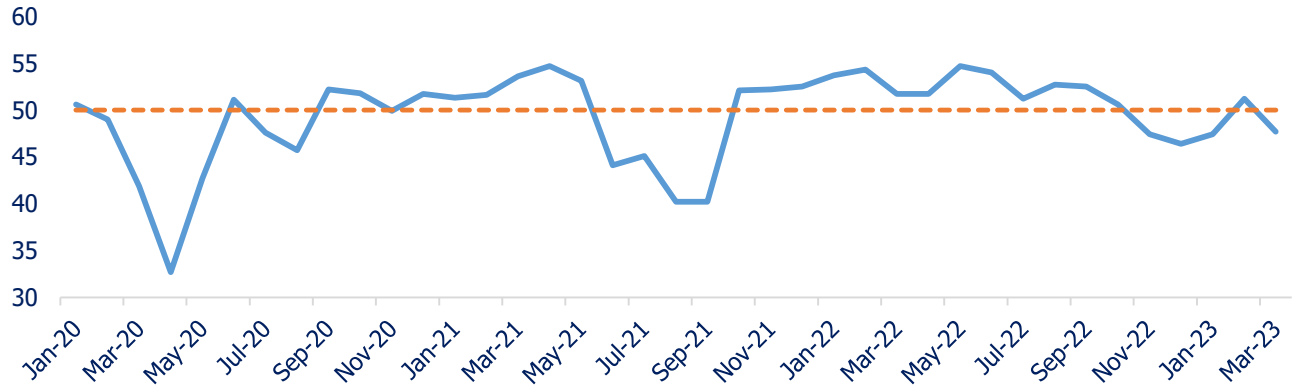

Nguồn: GSO, Bloomberg, SHS tổng hợp

KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 3

Hoạt động thương mại dịch vụ sôi động trở lại. Theo đó, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 03/2023 ước đạt ước đạt 501,3 nghìn tỷ đồng, tăng 2,0% so với tháng trước và tăng 13,4% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung quý I/2023, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 1.505,3 nghìn tỷ đồng, tăng 13,9% so với cùng kỳ năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 10,3%. Trong đó, nhóm hàng lương thực, thực phẩm tăng 14,6%; may mặc tăng 12,3%; phương tiện đi lại (trừ ô tô) tăng 4,5%; đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình tăng 3,9%. Riêng nhóm vật phẩm văn hoá, giáo dục giảm 2,7%.

CPI tháng 03 giảm 0,23% so với tháng trước do giá xăng dầu và lương thực hạ nhiệt. Theo đó, nhóm giáo dục có mức giảm mạnh nhất (-1,71%) do Chính phủ yêu cầu các địa phương giữ ổn định mức thu học phí năm học 2022-2023 như năm học 2021-2022 để tiếp tục hỗ trợ cho người dân, kéo CPI chung giảm 0,11 điểm phần trăm. Tiếp đến là nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0,58%, kéo CPI chung giảm 0,19 điểm phần trăm. Nhóm xăng dầu do 3 đợt điều chỉnh giảm giá trong tháng đã khiến giá xăng dầu giảm 0,36%. Tính chung quý I năm 2023, CPI đã tăng 4,18% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 5,01%.

Tăng trưởng bán lẻ

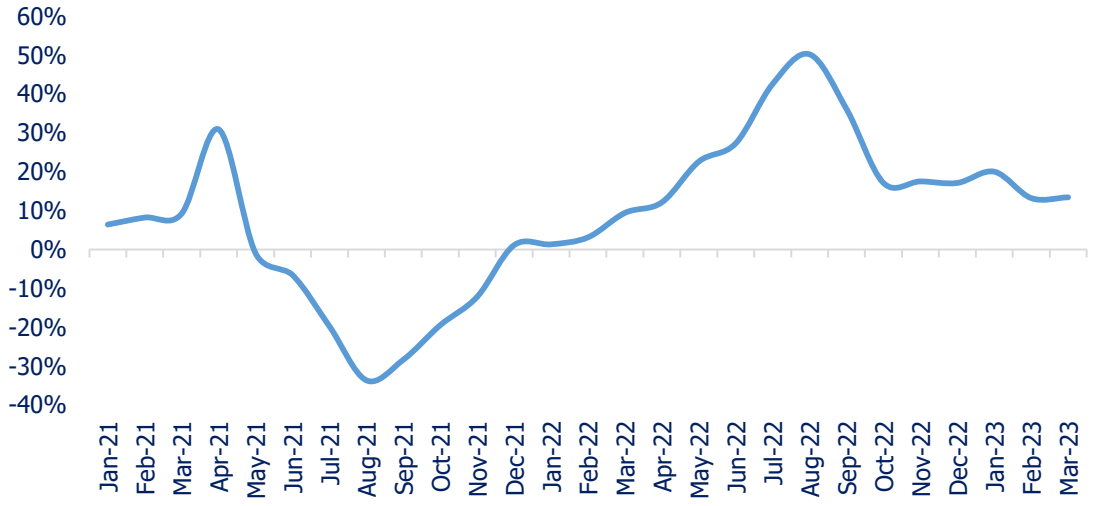

CPI (YoY)

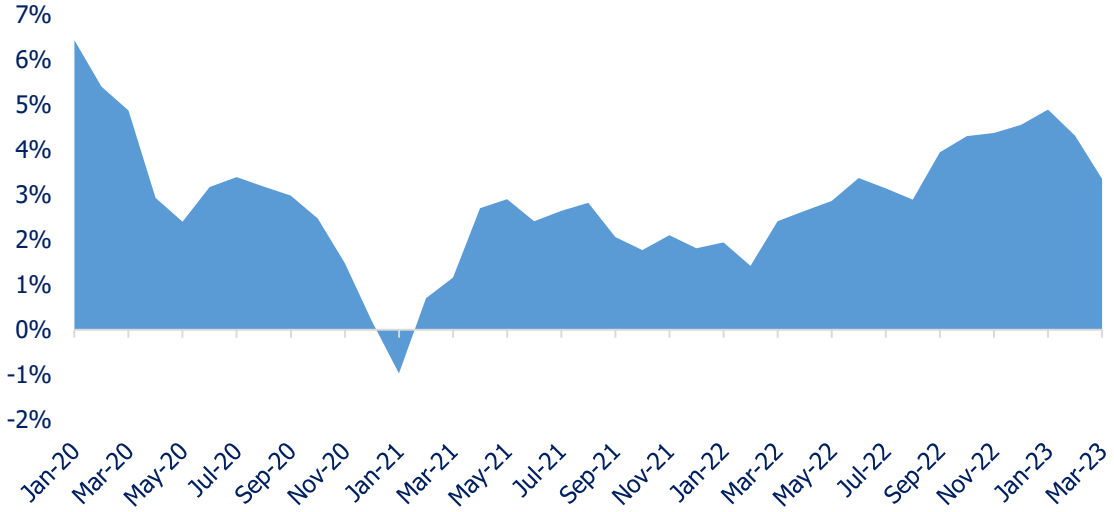

Nguồn: Bloomberg, SHS tổng hợp

KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 3

Biến cơ hội thành giá trị

Lãi suất liên ngân hàng ON và bơm hút ròng của SBV qua OMO

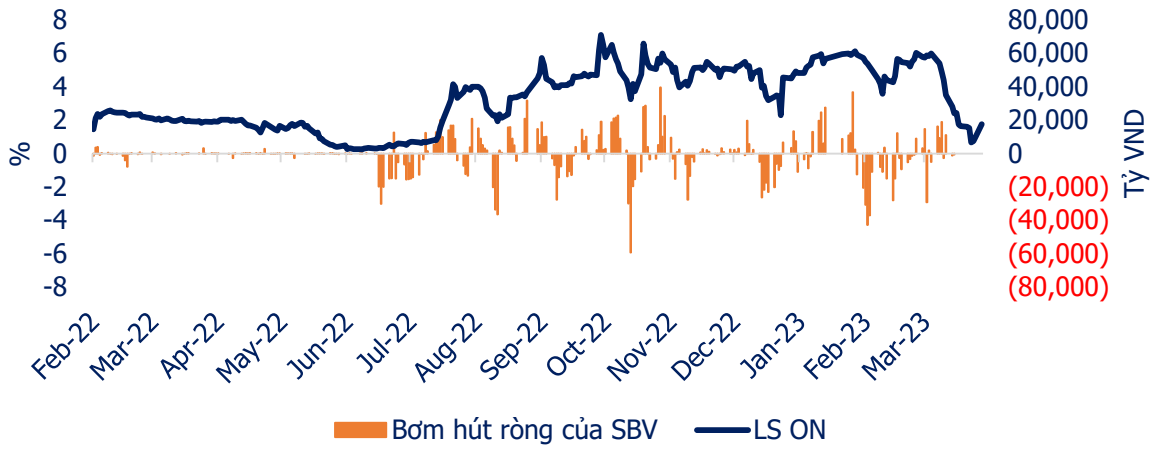

Tăng trưởng tín dụng YTD giai đoạn 2019-2023

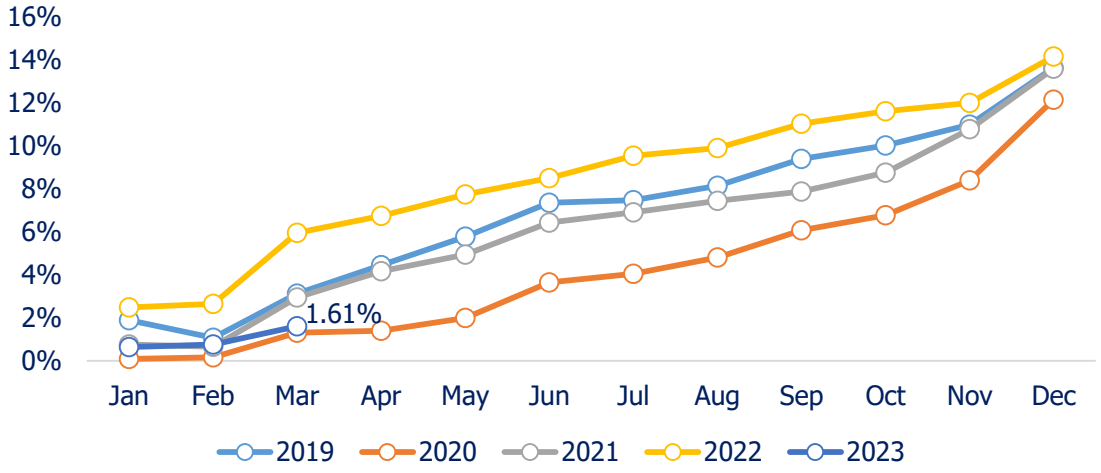

Nguồn: Bloomberg, SBV, GSO, SHS tổng hợp

Tính đến cuối Quý I/2023, tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống đạt 2,06%. Tăng trưởng tín dụng có cải thiện trong tháng 3, với 153 nghìn tỷ đồng được bơm ra, so với 91 nghìn tỷ đồng tín dụng trong 2 tháng đầu năm. Thanh khoản toàn hệ thống Ngân hàng khá dồi dào, bất chấp cân đối tín dụng - huy động vẫn chênh lệch âm do NHNN đã mua vào 4 tỷ USD trong Quý I/2023, đồng nghĩa bơm ra 93.800 tỷ đồng, và tăng trưởng tín dụng thấp so với trung bình 5 năm gần đây. NHNN đã dừng hút vốn qua phát hành tín phiếu từ 13/3/2023, nghiệp vụ mua kỳ hạn qua OMO cũng trầm lắng khi các ngân hàng không có nhu cầu vay vốn từ NHNN. Tính đến cuối tháng 3, NHNN đã hút ròng 110.700 tỷ đồng qua phát hành tín phiếu và chỉ bơm ra 1.202 tỷ đồng qua kênh cầm cố giấy tờ có giá. Lãi suất VND bình quân liên ngân hàng kỳ hạn qua đêm giảm xuống chỉ còn 1% vào thời điểm cuối tháng 3.

NHNN đã có 2 lần liên tiếp giảm lãi suất điều hành trong tháng 3, giảm 0,5% đối với lãi suất tái cấp vốn và lãi suất huy động kỳ hạn dưới 6 tháng, giảm 1% đối với lãi suất tái chiết khấu. Lãi suất trên thị trường 1 tiếp tục hạ nhiệt, hiện lãi suất trung bình kỳ hạn 6 tháng đã giảm xuống còn khoảng 7,4% - 8%, tương đương đã giảm khoảng 0,7% - 1,2% kể từ đầu năm. Động thái của NHNN là chủ động, phù hợp với bối cảnh nền kinh tế gặp nhiều khó khăn, trong điều kiện lạm phát giảm nhẹ, áp lực tỷ giá ở mức thấp nhờ nguồn cung ngoại tệ dồi dào. Xét về trung hạn, áp lực vẫn còn khi nhu cầu tín dụng hồi phục cũng như rủi ro tỷ giá còn hiện hữu. NHNN dự báo sẽ thận trọng hơn trong quyết định giảm lãi suất, đặc biệt khi sức ép lạm phát đang gia tăng liên quan đến giá điện, giá dịch vụ y tế và giá xăng dầu.

KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 3

Biến cơ hội thành giá trị

Diễn biến tỷ giá USD/VND

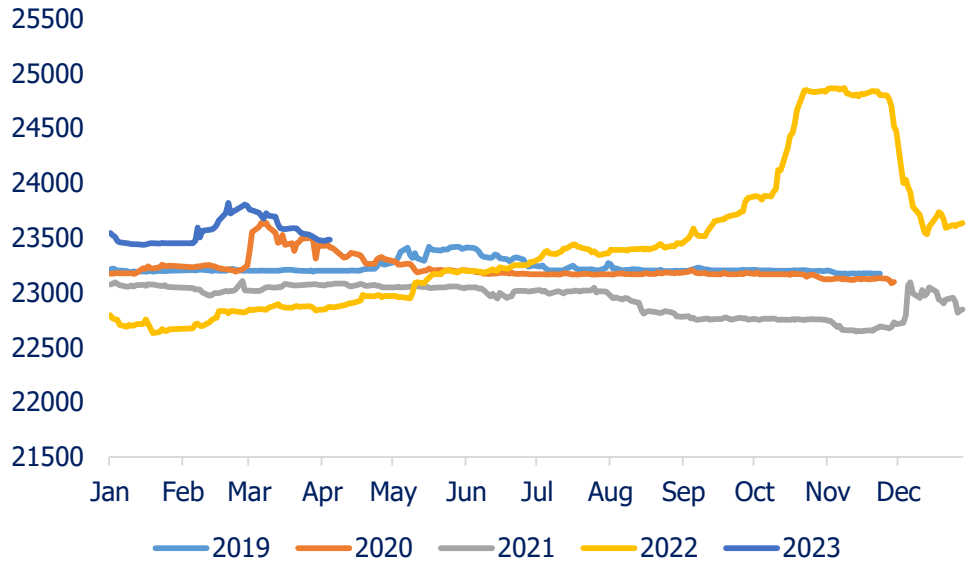

Đa số các đồng tiền tiếp tục theo xu hướng mạnh lên so với đồng USD khi xu hướng tăng lãi suất của FED dần kết thúc

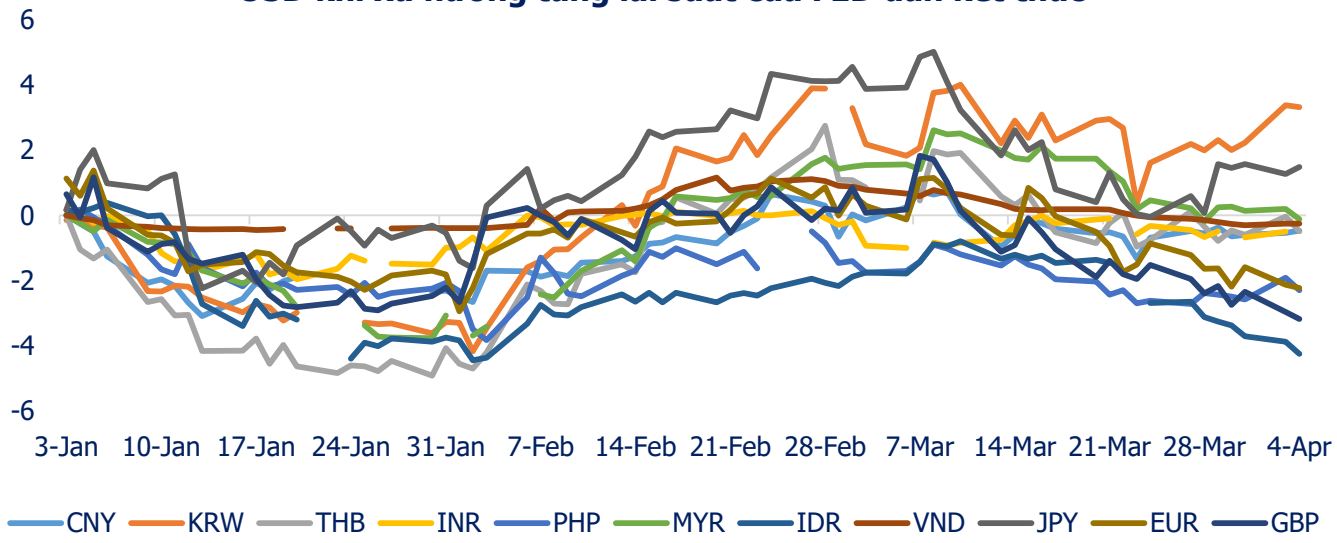

Nguồn: FiinGroup, Bloomberg, SHS tổng hợp

Đồng VND tăng giá 1,23% trong tháng 3 so với đồng USD. So với thời điểm đầu năm, tỷ giá USD/VND đang giảm nhẹ 0,58%. Đa số các đồng tiền tiếp tục mạnh lên so với đồng USD khi xu hướng tăng lãi suất của FED đang dần kết thúc. Sự phục hồi của đồng VND ở mức trung bình thấp so với đa số đồng tiền trong khu vực do VND chỉ mất giá nhẹ trong năm 2022. Chênh lệch lãi suất VND-USD kỳ hạn qua đêm duy trì ở mức âm, tuy nhiên áp lực lên tỷ giá hiện tại không nhiều nhờ đồng USD quốc tế suy yếu và nguồn cung ngoại tệ tích cực. NHNN đã mua vào được 4 tỷ USD trong quý đầu năm nhằm tăng dự trữ ngoại hối và hủy các giao dịch bán USD kỳ hạn.

Nguồn cung ngoại tệ của Việt Nam đang tích cực nhờ dòng vốn đầu tư nước ngoài FII, giải ngân vốn FDI và cán cân thương mại thặng dư do xuất nhập khẩu đều yếu. Trong ngắn hạn, trường hợp dòng vốn đầu tư nước ngoài không có diễn biến tiêu cực, áp lực lên đồng VND tạm thời ở mức thấp khi hoạt động xuất nhập khẩu dự kiến vẫn khó khăn trong Quý II. Tuy nhiên rủi ro tỷ giá đối với đồng VND là hiện hữu, đặc biệt khi chênh lệch lãi suất VND-USD kỳ hạn qua đêm đang ở mức âm.

KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 3

Quý đầu năm 2023, thu NSNN đạt 491,5 nghìn tỷ đồng, bằng 30,3% dự toán năm, tăng 1,3% YoY, **chi NSNN 363,4 nghìn tỷ đồng**, bằng 17,5% dự toán năm, tăng 7,2% YoY. Bội thu NSNN đạt 128 nghìn tỷ đồng.

Theo Bộ Tài chính, tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công 3 tháng đầu năm 2023 đạt 73.192 tỷ đồng, chỉ đạt 9,69% kế hoạch. Mức giải ngân vốn đầu tư công trong quý I/2023 thấp hơn kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao là 10,35% và cũng thấp hơn so với cùng kỳ năm 2022 (11,88%). Thông thường, giải ngân vốn đầu tư công thường thấp trong Quý I, đặc biệt là tháng 3 do các bộ, ngành và địa phương đang trong giai đoạn giao kế hoạch vốn cho các dự án, thực hiện đấu thầu và lựa chọn nhà thầu. Hiện điểm nghẽn trong giải ngân đầu tư công đối với Dự án cao tốc Bắc Nam - dự án trọng điểm ngành giao thông vận tải – là khó khăn về nguồn cung cấp vật liệu, ảnh hưởng tiến độ, khối lượng nghiệm thu giải ngân vốn. Ngày 01/04/2023, Chính phủ đã ban hành Nghị Quyết số 47 thí điểm về tháo gỡ khó khăn cấp phép khai thác các mỏ đất đắp phục vụ dự án cao tốc Bắc - Nam và Công điện số 194/CĐ-TTg chỉ đạo tập trung tháo gỡ vướng mắc về đất đai, vật liệu xây dựng để triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc và bất động sản.

Tình hình thu chi NSNN năm 2022-2023

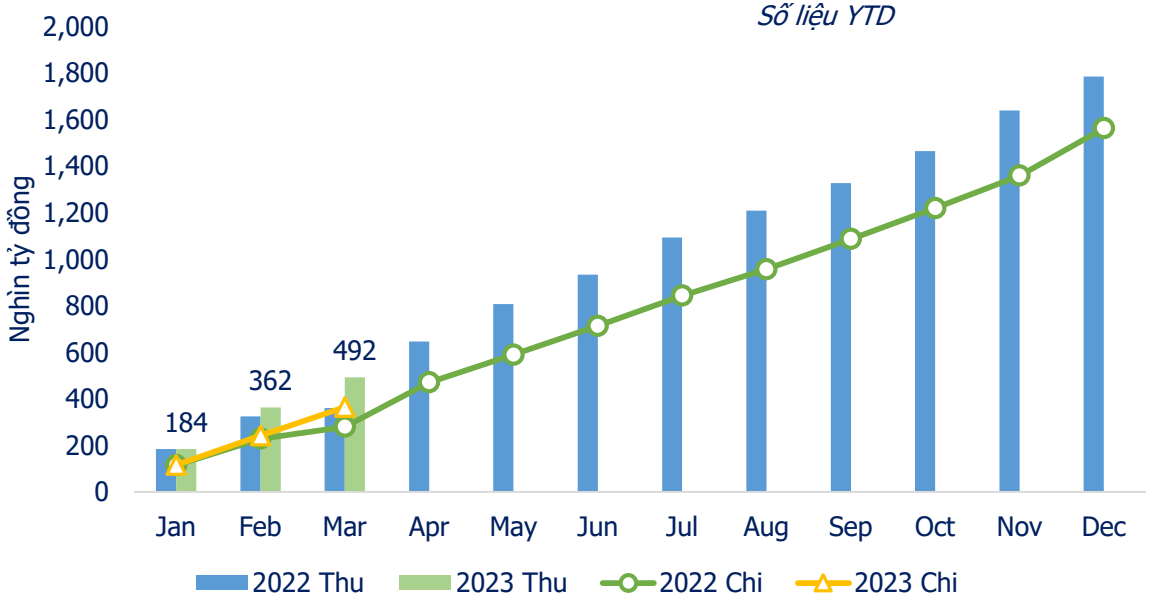

Nguồn: GSO, SHS tổng hợp

Đầu tư công từ NSNN hàng tháng

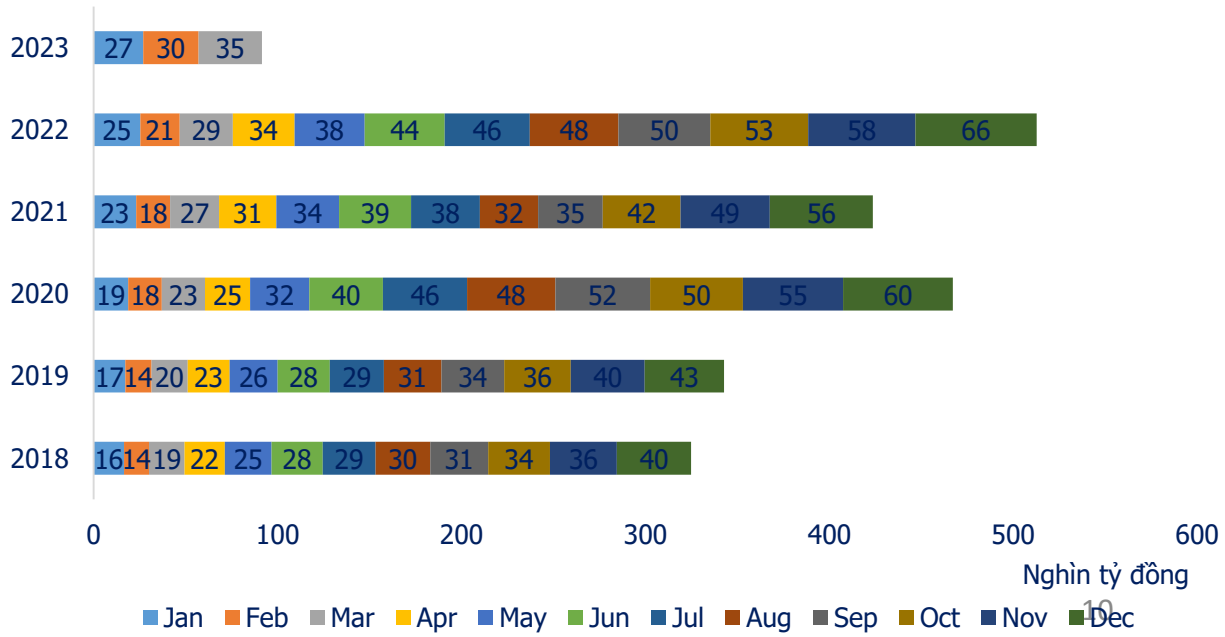

KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 3

Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 30/3/2023 đạt 7,8 tỷ USD, giảm 19,3% YoY, trong đó vốn cấp mới đạt 3,45 tỷ USD, tăng 7,36%, vốn tăng thêm đạt 1,58 tỷ USD, giảm mạnh 61%, góp vốn mua cổ phần đạt 2,77 tỷ USD, tăng mạnh 70% YoY. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện 3 tháng đầu năm 2023 ước đạt 4,32 tỷ USD, giảm 2,26% YoY. Bắc Giang là địa phương thu hút vốn FDI lớn nhất cả nước trong quý đầu năm với 1 tỷ USD đăng ký cấp mới, tiếp theo là Bắc Ninh và Quảng Ninh với 0,46 và 0,42 tỷ USD.

Tăng trưởng kinh tế toàn cầu giảm tốc, rủi ro hệ thống Ngân hàng tại Mỹ và Châu Âu cùng việc áp dụng mức thuế tối thiểu toàn cầu được cho là lý do làm giảm dòng vốn đầu tư ra nước ngoài trên toàn thế giới, trong đó có Việt Nam.

Tháng 10/2021, đã có 136 quốc gia, chiếm 90% GDP toàn cầu, trong đó có Việt Nam đồng ý với đề xuất cải cách hệ thống thuế toàn cầu gồm hai trụ cột của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), dự kiến sẽ có hiệu lực vào năm 2024. Trụ cột đầu tiên là phân bổ lại quyền của các Chính phủ trong việc đánh thuế các tập đoàn kỹ thuật số dựa trên nơi tạo ra doanh thu dù họ có cơ sở thường trú tại quốc gia đó hay không. Trụ cột thứ hai là thuế tối thiểu toàn cầu 15% đối với những doanh nghiệp đa quốc gia có doanh thu toàn cầu trên 750 triệu euro (tương đương 815 triệu USD) và có tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng doanh thu từ 10% trở lên. Mục đích của hai trụ cột nhằm hướng tới việc chống xói mòn cơ sở thuế và chuyển lợi nhuận, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng trong việc thu hút đầu tư giữa các quốc gia. Việt Nam dự kiến sẽ ban hành chính sách thuế tối thiểu toàn cầu trong năm 2023.

Vốn FDI đăng ký và giải ngân theo tháng

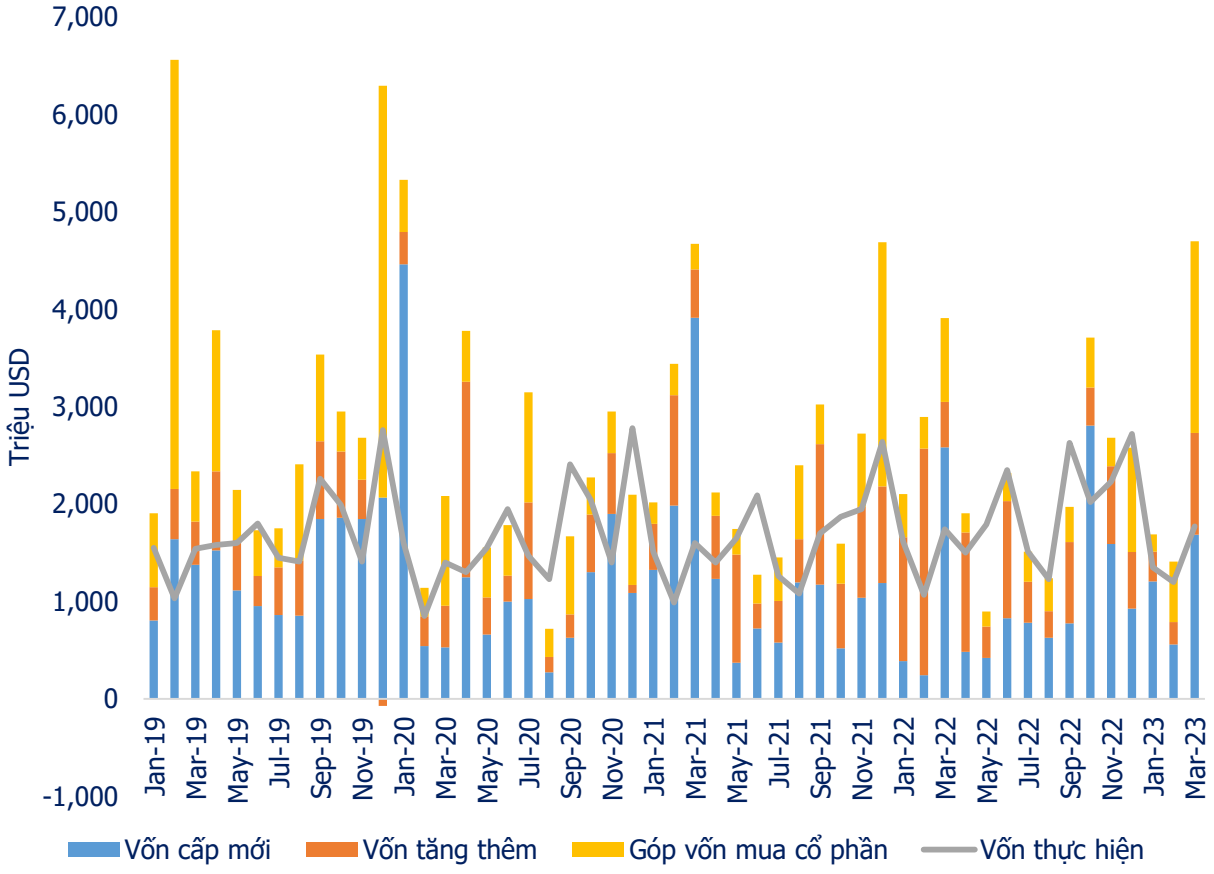

Nguồn: GSO, SHS tổng hợp

KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 3

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 03/2023 ước đạt 29,57 tỷ USD, tăng 13,5% MoM và giảm 14,8% YoY. Tính chung quý I/2023, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 79,17 tỷ USD, giảm 11,9% YoY. Có 25/34 nhóm hàng xuất khẩu chính có tốc độ tăng trưởng âm, chiếm 87,5% giá trị xuất khẩu. Một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực giảm mạnh so với cùng kỳ như: Hàng dệt may giảm 17,4%; Điện tử máy tính và linh kiện giảm 10,9%; Điện thoại các loại và linh kiện giảm 15,0%; Gỗ và sản phẩm gỗ giảm 28,3%... Bên cạnh đó là sự sụt giảm ở hầu hết các thị trường chủ lực của Việt Nam như: Trung Quốc xuất khẩu giảm 13,8%; nhập khẩu giảm 14,6%, Hoa Kỳ xuất khẩu giảm 21,6%; nhập khẩu giảm 10,1%, Hàn Quốc xuất khẩu giảm 5,5%; nhập khẩu giảm 27,4%, EU xuất khẩu giảm 10,8%; nhập khẩu giảm 12,1%.

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 3/2023 ước đạt 28,92 tỷ USD, tăng 24,4% MoM và giảm 11,1% YoY. Tính chung quý I/2023, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 75,1 tỷ USD, giảm 14,7% YoY. Trong đó kim ngạch nhập khẩu mặt hàng tư liệu sản xuất gồm điện tử, máy tính, linh kiện giảm 12,4%, máy móc thiết bị giảm 15,4%, sắt thép giảm 26%, vải giảm 15%, điện thoại và linh kiện giảm 64,5%, chất dẻo giảm 32%.

Kinh tế thế giới phục hồi chậm với chính sách thắt chặt tiền tệ ở nhiều quốc gia làm suy giảm nhu cầu tiêu dùng của các đối tác thương mại lớn, do đó đã ảnh hưởng đến kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam. Nhập khẩu giảm mạnh hơn xuất khẩu khiến cán cân thương mại hàng hóa tháng Ba ước tính xuất siêu 0,65 tỷ USD. Kết thúc Q1/2023, cán cân thương mại hàng hóa ước tính xuất siêu 4,07 tỷ USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 1,9 tỷ USD).

Cán cân Thương mại (Triệu USD)

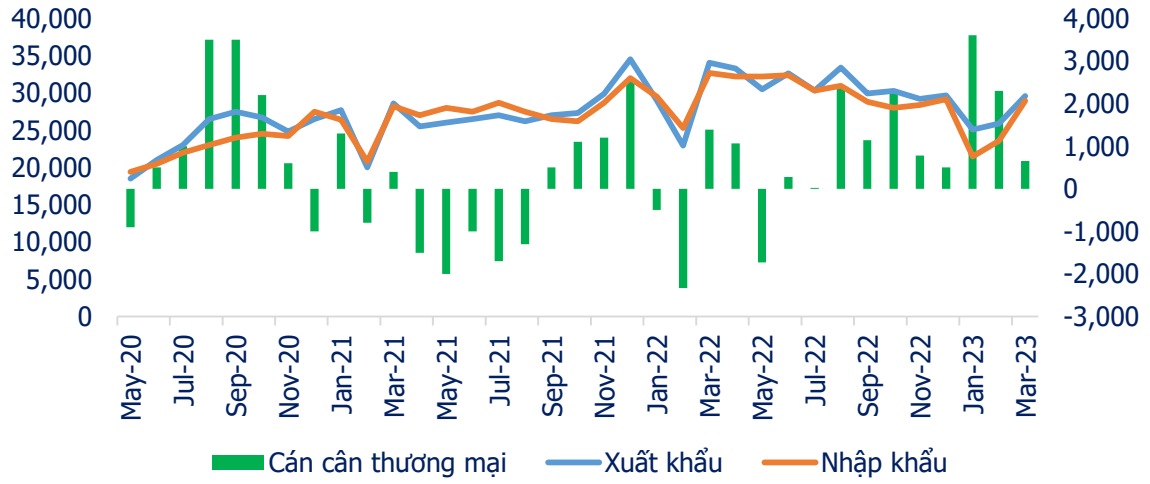

Kim ngạch xuất khẩu hàng tháng (Tỷ USD)

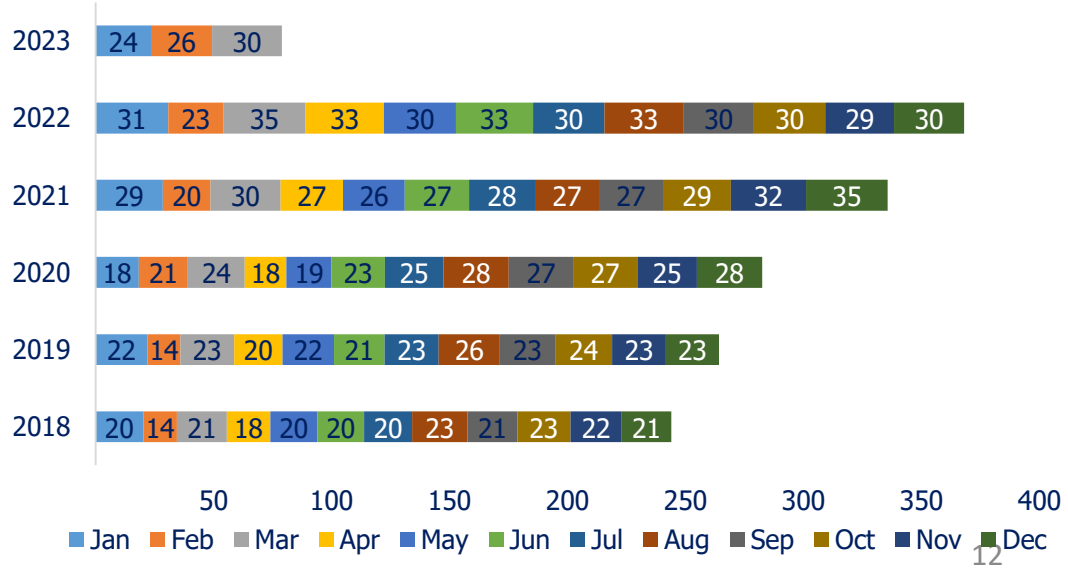

Nguồn: GSO, Bloomberg, SHS tổng hợp

KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 3

Kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa giữa Việt Nam và Trung Quốc Quý I/2023 ước đạt 35 tỷ USD, giảm 14% so cùng kỳ nhập siêu ước 12,1 tỷ USD. Lượng khách du lịch từ Trung Quốc tới Việt Nam trong 3 tháng đầu năm 2023 đạt trên 140 nghìn lượt, tăng gần gấp đôi so với cả năm 2022 tiếp tục mở ra kỳ vọng đối với ngành du lịch, khách sạn của Việt Nam trong thời gian tới.

XNK Việt Nam - Trung Quốc

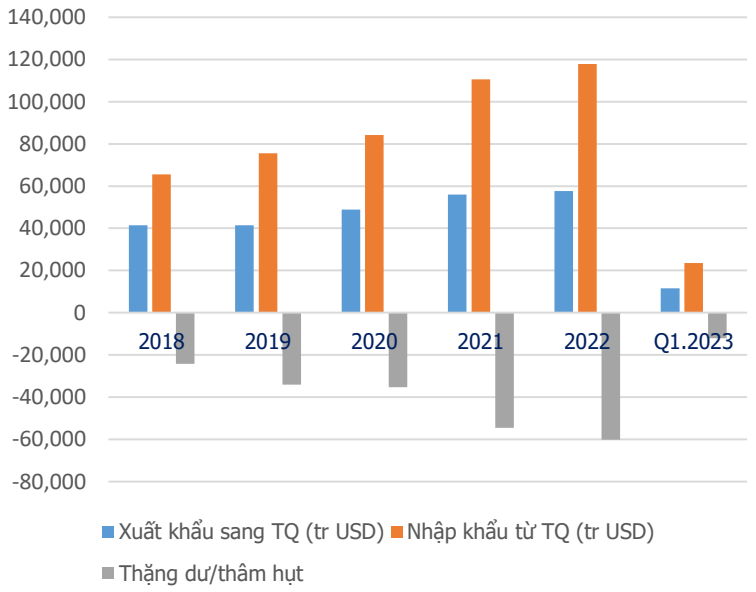

Khách du lịch quốc tế (nghìn lượt)

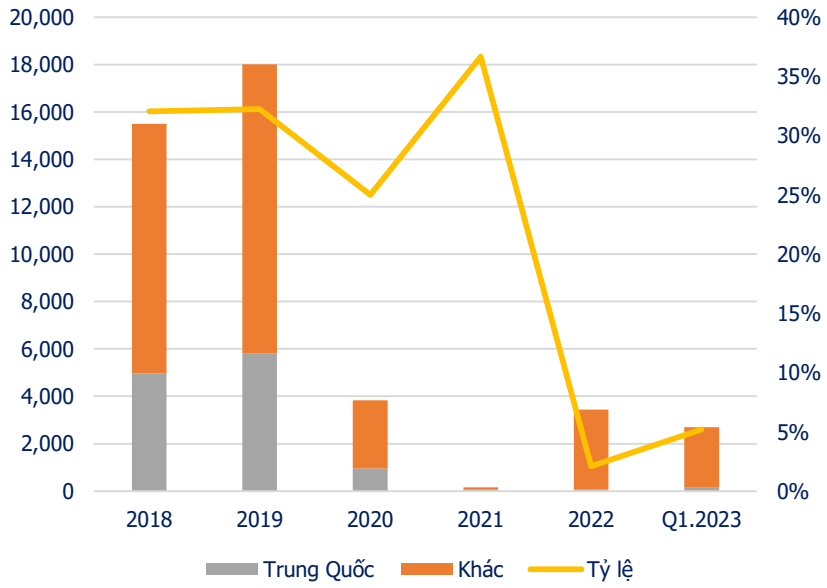

FDI từ Trung Quốc

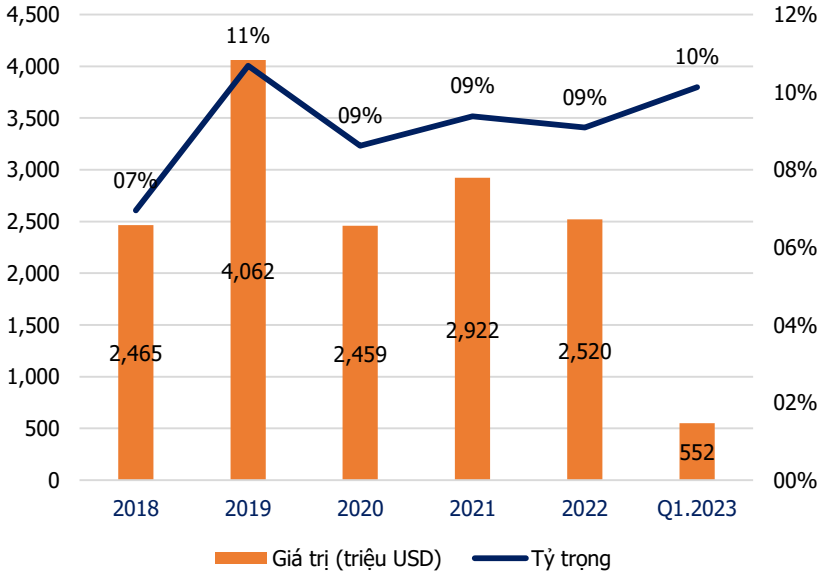

Nguồn: GSO, Bloomberg, SHS tổng hợp

Biến cơ hội thành giá trị

KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 3

Chỉ tiêu	Mar-22	Apr-22	May-22	Jun-22	Jul-22	Aug-22	Sep-22	Oct-22	Nov-22	Dec-22	Jan-23	Feb-23	Mar-23
Chỉ số kinh tế													
Chỉ số sản xuất công nghiệp (hàng tháng, % YoY)	9%	9%	10%	11.5%	11.2%	15.6%	13.0%	6.3%	3.5%	0.2%	-8.0%	3.6%	-1.6%
PMI (điểm)	51.7	51.7	54.7	54.0	51.2	52.7	52.5	50.6	47.4	46.4	47.4	51.2	47.7
Tăng trưởng bán lẻ (lũy kế, %YoY)	4%	7%	10%	11.70%	16%	19.30%	21%	20.20%	20.50%	19.80%	20%	13%	13.90%
FDI giải ngân (lũy kế, % YoY)	8%	8%	8%	8.90%	10.2%	10.50%	16.30%	15.20%	15.10%	13.50%	-16.30%	-4.90%	-2.30%
FDI đăng ký (lũy kế, % YoY)	-12%	-12%	-16%	-8.10%	-7.10%	-12.30%	-15.30%	-5.40%	-5.00%	-11%	-19.80%	-38%	7.40%
Tăng trưởng xuất khẩu (lũy kế, %YoY)	14%	17%	17%	17.30%	16.10%	17.30%	17.30%	15.90%	13.40%	10.60%	-21.30%	-10.40%	-11.90%
Tăng trưởng nhập khẩu (lũy kế, % YoY)	16%	16%	16%	15.50%	13.60%	13.60%	13%	12.20%	10.10%	8.40%	-28.90%	-16%	-14.70%
Cán cân thương mại (hàng tháng, tỷ USD)	1.46	2.53	0.52	0.28	0.02	2.42	1.14	2.27	0.78	0.5	0.52	2.30	0.65
Ổn định vĩ mô													
Lạm phát (% YoY)	2%	3%	3%	3.37%	3.14%	2.89%	3.94%	4.30%	4.37%	4.55%	4.89%	4.31%	3.4%
Lạm phát cơ bản (BQ YTD % YoY)	1%	1%	1.61%	1.98%	1.44%	1.64%	1.88%	2.14%	2.38%	2.59%	5.21%	5.08%	5.0%
Tăng trưởng tín dụng (% YTD)	6.0%	6.8%	7.8%	8.5%	9.42%	9.91%	10.54%	11.38%	11.50%	14.50%	0.65%	0.77%	1.6%
Tăng trưởng cung tiền M2 (% YTD)	3.5%	3.5%	3.3%	3.78%	3.18%	2.68%	3.21%	3.08%	3.55%	6.15%			0.57%
Lãi suất tái cấp vốn (%)	4%	4%	4%	4%	4%	4%	5%	6%	6%	6%	6%	6%	5.5%
Lãi suất tái chiết khấu (%)	2.5%	2.5%	2.5%	2.5%	2.5%	2.5%	3.50%	4.50%	4.50%	4.50%	4.50%	4.50%	3.5%
Lãi suất liên ngân hàng ON (%)	1.90%	1.43%	0.43%	0.74%	3.32%	4.75%	4.73%	5.05%	4.57%	4.55%	5.90%	5.20%	1.0%
Lợi suất trái phiếu 10 năm (%)	2.31%	2.44%	3.08%	3.41%	3.90%	3.62%	4.97%	5.10%	5.15%	4.95%	4.40%	4.40%	3.5%
CDS 5 năm	112.43	138.34	122.98	164.52	143.93	147.78	186.35	162.8	148.55	140.12	125.62	118.37	134.4
VND/USD (% MoM)	-0.2%	0.1%	0.5%	0.4%	0.3%	0.46%	1.73%	4.09%	-0.60%	-4.30%	-0.80%	1.50%	-1.35%

TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP THÁNG 3

Ngày 5/3/2023, Chính phủ đã ban hành Nghị định 08 sửa đổi Nghị định 65 về phát hành riêng lẻ trái phiếu doanh nghiệp. Nghị định đã tạo hành lang pháp lý giúp doanh nghiệp phát hành thực hiện gia hạn trái phiếu, thanh toán nghĩa vụ nợ và lãi trái phiếu bằng các tài sản hợp pháp khác. Nghị định cũng gia hạn việc áp dụng quy định về nhà đầu tư chuyên nghiệp, xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp phát hành đến hết năm 2023. Hoạt động phát hành trái phiếu doanh nghiệp đã sôi động hơn trong tháng 3 với 11 đợt phát hành, tổng giá trị phát hành 26,4 nghìn tỷ đồng.

Các doanh nghiệp cũng đang đẩy mạnh mua lại trước hạn trái phiếu với tổng giá trị trái phiếu đã được các doanh nghiệp mua lại trước hạn trong tháng 3/2023 là gần 14,3 nghìn tỷ đồng (tăng 137% MoM và tăng 64% YoY). Trong Quý I, tổng giá trị trái phiếu được các doanh nghiệp mua lại đạt 29,86 nghìn tỷ đồng (tăng 63% YoY).

Tổng giá trị trái phiếu đến hạn trong tháng 04/2023 là 14,54 nghìn tỷ đồng. Bất động sản và ngân hàng là hai nhóm ngành có giá trị đến hạn lớn nhất, lần lượt là 4,5 nghìn tỷ và 5,3 nghìn tỷ, chiếm 31% và 36% giá trị đến hạn.

Giá trị phát hành TPDN trong nước giai đoạn 2021-2023

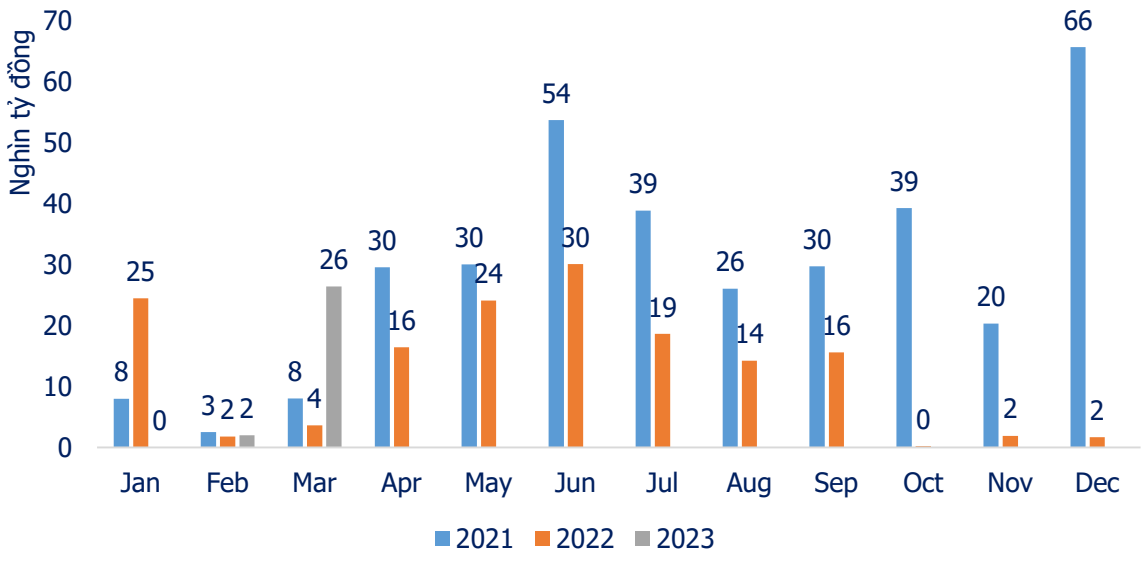

Giá trị Trái phiếu doanh nghiệp đáo hạn 2023 - 2024

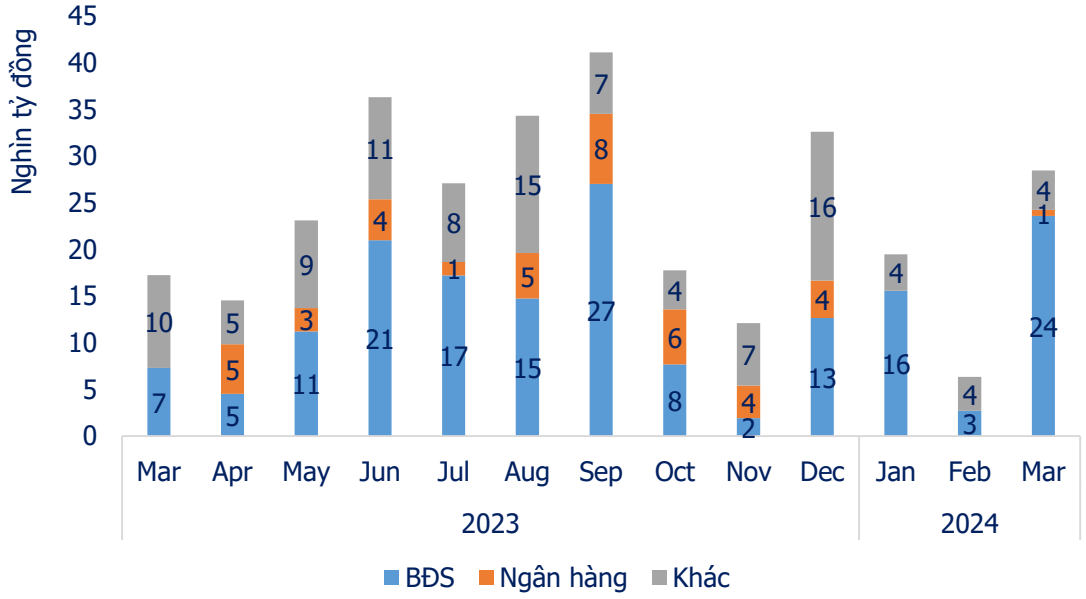

Nguồn: VBMA

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 03

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 3

VN-INDEX phục hồi tăng điểm trong Quý I/2023: VN-INDEX tăng điểm tốt trong tháng 01/2023 khi khởi đầu năm tích cực, sau đó điều chỉnh giảm mạnh trong tháng 02 và phục hồi trở lại trong tháng 03. Chỉ số kết thúc Quý I/2023 ở mức 1.064,64 điểm, tăng 5,71% so với Quý IV/2022. Đà phục hồi trong tháng 03/2023 chủ yếu đến từ những thông tin hỗ trợ tích cực trong nước như Ngân hàng Nhà nước hạ lãi suất điều hành; Nghị quyết 33/NQ-CP về một số giải pháp tháo gỡ và thúc đẩy thị trường bất động sản; Nghị định 08-2023/NĐ-CP về thị trường Trái phiếu. Trong khi đó thị trường thế giới có nhiều thông tin kém tích cực như FED tiếp tục tăng lãi suất 0,25%; Rủi ro khủng hoảng ngân hàng sau khi ngân hàng SVB (Mỹ) phá sản, ngân hàng Credit Suisse (Thụy Sỹ) bị sáp nhập.

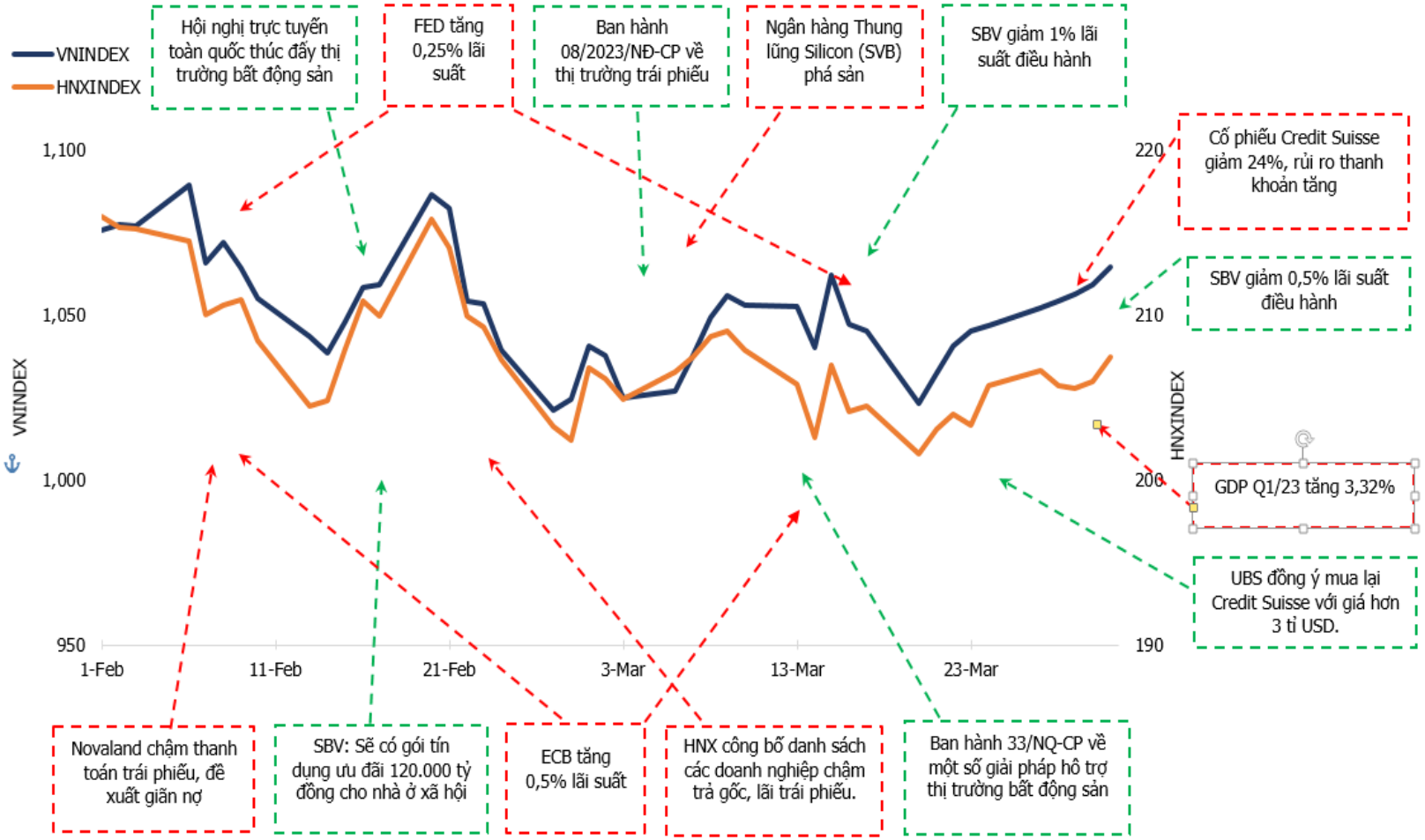

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 3

Trong tháng 03/2023 nhóm cổ phiếu VN30 phục hồi tăng với thanh khoản cải thiện tốt nhất với mức tăng 5,79% dưới ảnh hưởng tích cực, giải ngân mua ròng của nhà đầu tư tổ chức nước ngoài như quỹ Fubon ETF. Nhóm Midcap cũng diễn biến tích cực hơn chỉ số chung với mức tăng 4,73% nhờ ảnh hưởng phục hồi tốt của nhóm cổ phiếu bất động sản, dịch vụ tài chính, chứng khoán trước những thông tin, giải pháp hỗ trợ trong nước. Trong khi đó nhóm cổ phiếu small cap có mức phục hồi kém hơn chỉ số chung.

Kết thúc 03 tháng đầu năm 2023, các chỉ số vẫn duy trì lạc quan khi VN-INDEX và VN30 vẫn cao hơn mức giá mở cửa đầu năm 2023 tương ứng với VN-INDEX là 1.064,64 điểm, VN30 là 1.073,68 điểm.

Tăng trưởng các chỉ số thị trường trong tháng 3/2023

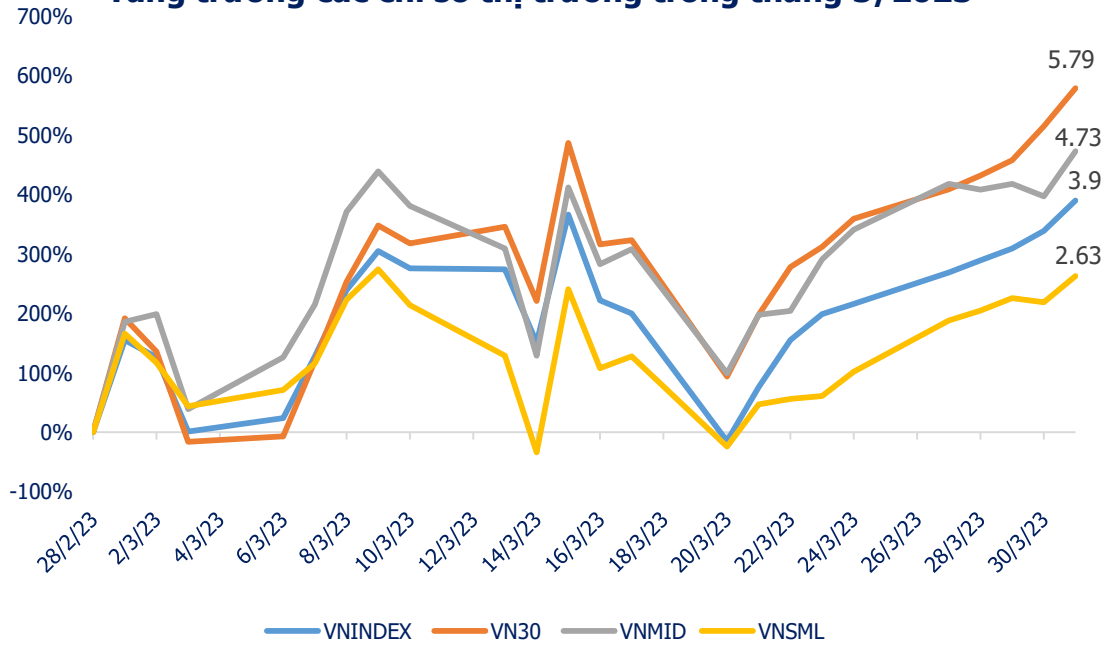

Diễn biến TTCK Việt Nam trong năm 2023

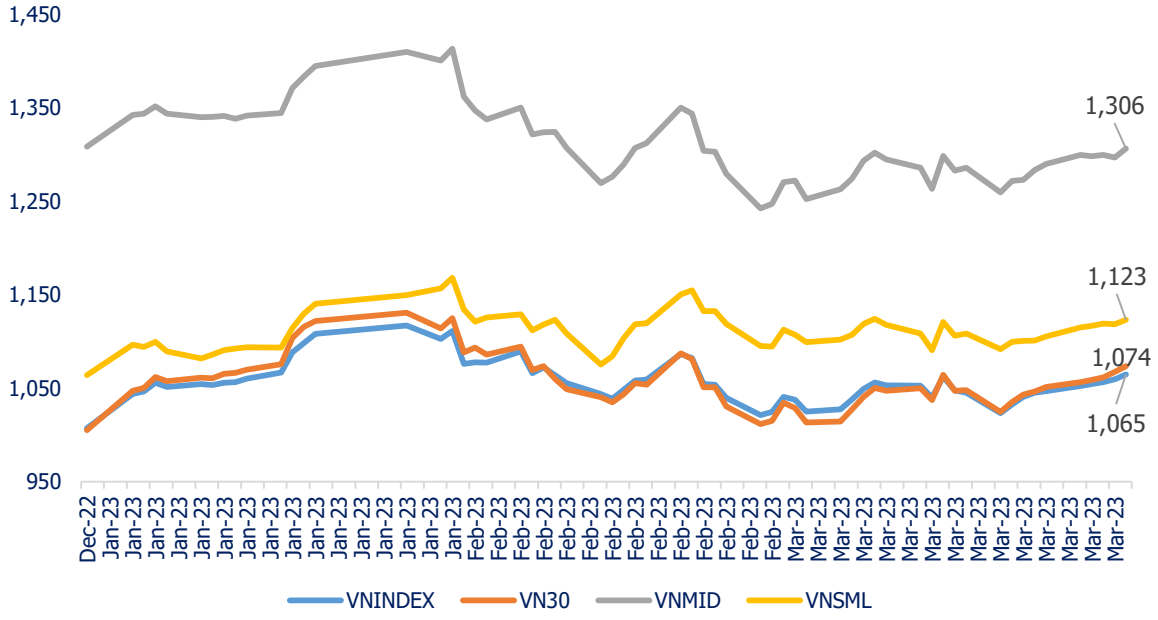

Nguồn: Bloomberg, SHS Research

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 3

Nhóm cổ phiếu bất động sản ảnh hưởng tích cực tới VN-Index trong tháng 03, cổ phiếu đầu ngành VHM tăng giá 24,1% đóng góp 11,8 điểm đối với VN-INDEX, VIC (4,6%) và VRE (10,7%) cũng có ảnh hưởng tích cực đến VN30 và VN-INDEX. Trong khi đó VPB là đại diện ngân hàng tăng giá tốt nhất với mức tăng 23,5% trong tháng 03 sau thông tin bán vốn cổ phần ở mức giá cao. SSI đại diện cho mức tăng giá mạnh của nhóm chứng khoán khi góp phần tăng 1,3 điểm cho VN-INDEX với mức tăng giá 17,8%. Ở chiều ngược lại nhóm cổ phiếu bán lẻ giảm mạnh gồm DGW (-21,4%), FRT (-11,6%), MSN (-5,1%), MWG (-3,6%) ảnh hưởng tiêu cực nhất đối với VN-INDEX bên cạnh các cổ phiếu như VCB, GAS…

Chỉ số VN-INDEX vẫn phục hồi kém hơn so với các chỉ số chứng khoán trong khu vực và ở nền định giá thấp. Tuy nhiên thị trường chứng khoán Việt Nam thường có độ trễ 02-03 tháng so với các thị trường khác, nên vẫn có thể kỳ vọng VN-INDEX có khả năng sẽ phục hồi tốt hơn trong Quý II/2023.

Tăng trưởng % chỉ số chứng khoán trong khu vực

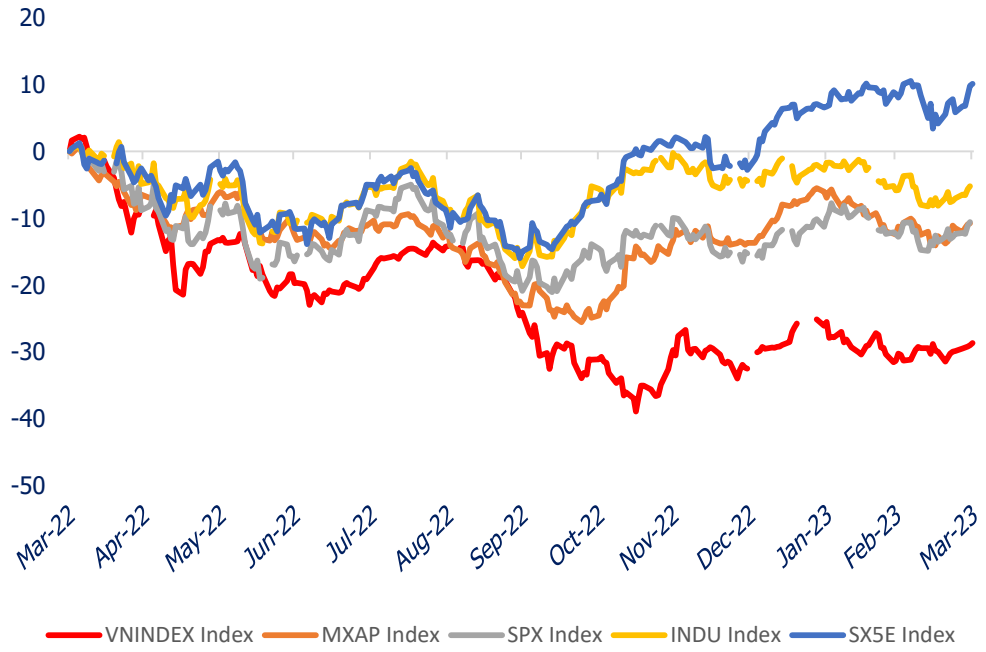

Top cổ phiếu ảnh hưởng nhất đến VN-Index tháng 3/2023

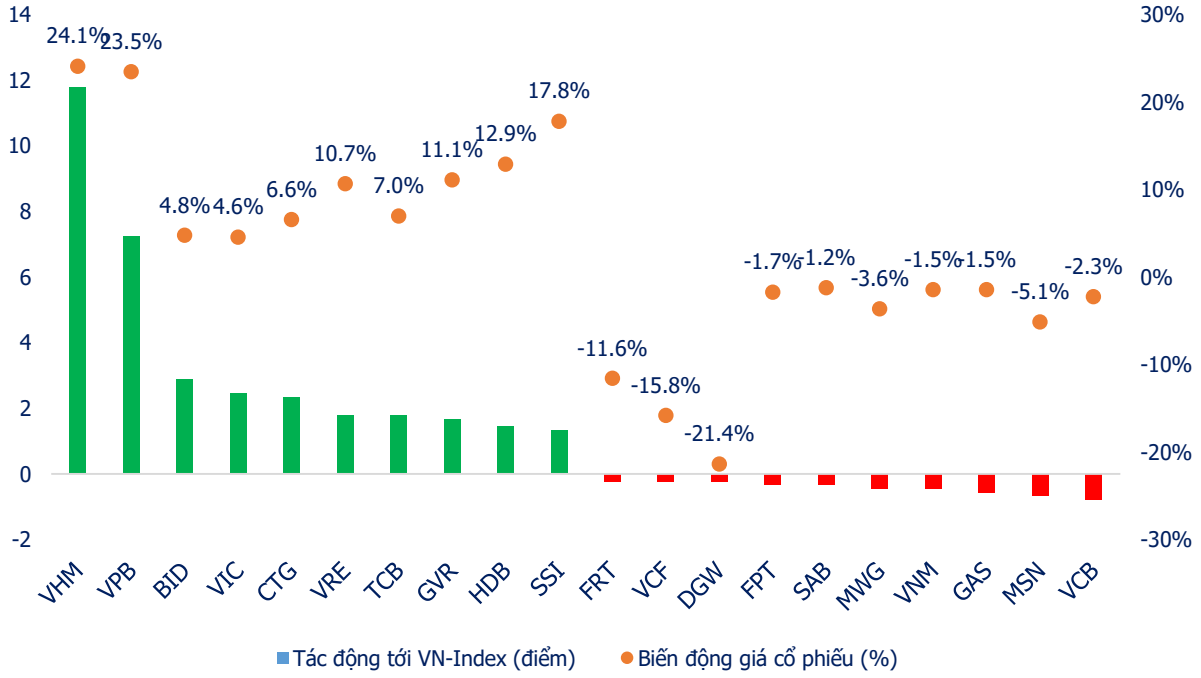

Nguồn: Fiingroup, SHS Research

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 3

Thanh khoản thị trường tiếp tục giảm nhẹ trong tháng 03/2023. Giá trị giao dịch trung bình cả 3 sàn tháng 03 đạt 10.660 tỷ đồng/phiên, chỉ đạt 91,2% so với mức 11.685 tỷ đồng trong tháng 02/2023. Trong đó giao dịch tại sàn HOSE đạt trung bình 9.256 tỷ đồng/phiên, tại sàn HNX và Upcom lần lượt 999,7 tỷ đồng/phiên và 404 tỷ đồng/phiên.

Tính chung Quý I/2023, giá trị giao dịch trung bình toàn thị trường chỉ đạt 11.487,4 tỷ đồng/phiên, giảm mạnh tới 62,8% so với bình quân Quý I/2022 và giảm 18,5% so với Quý IV/2022.

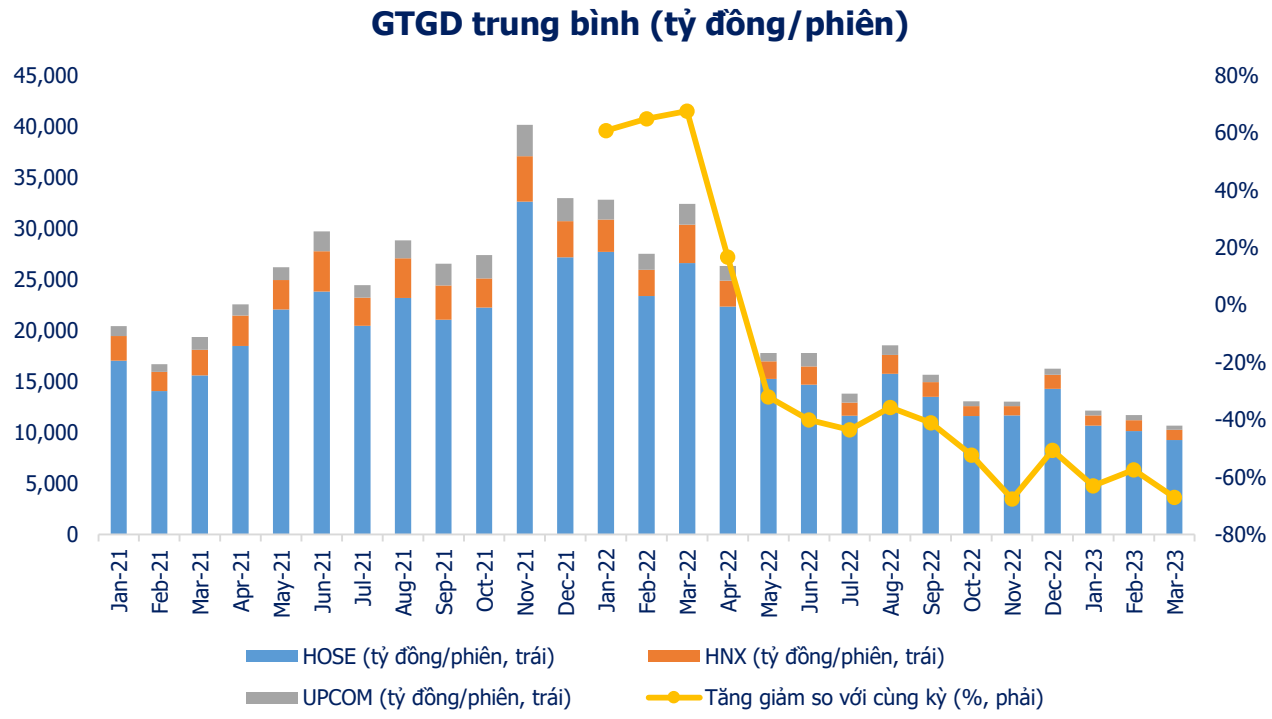

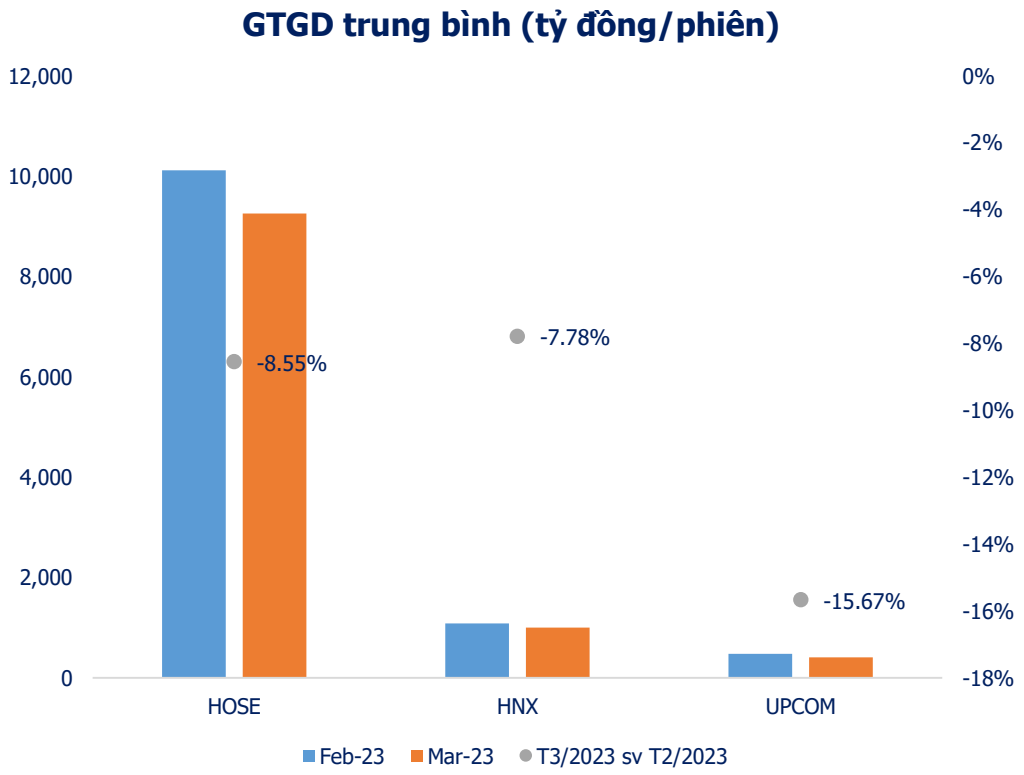

Nguồn: Fiingroup, SHS Research

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 3

Biến cơ hội thành giá trị

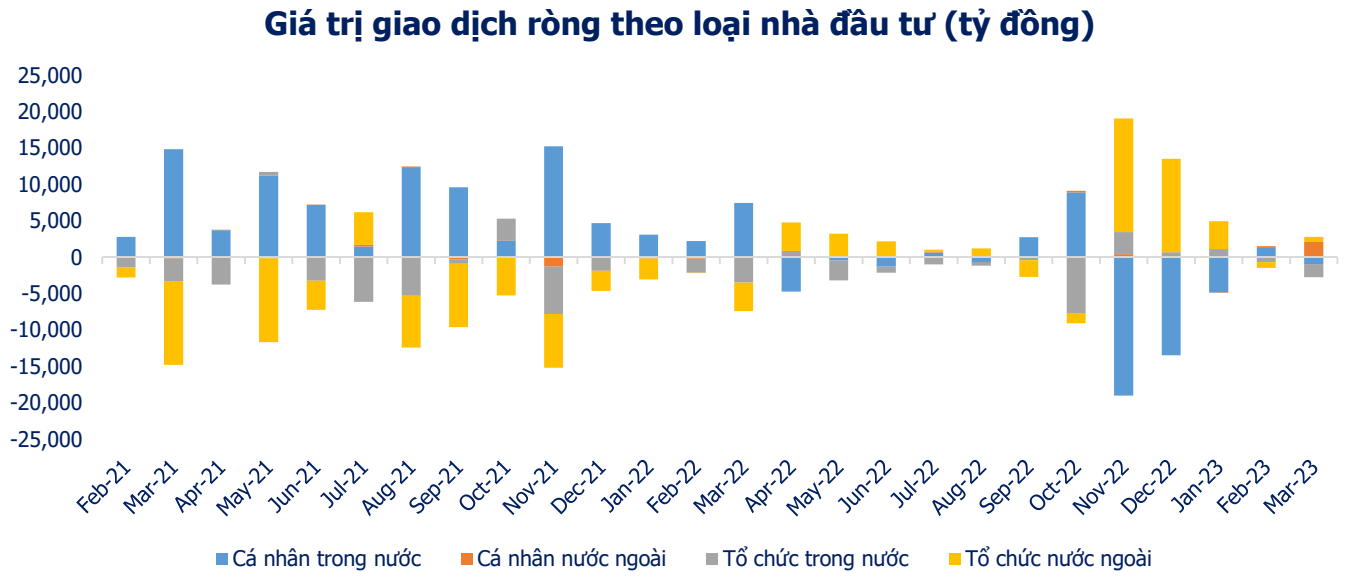

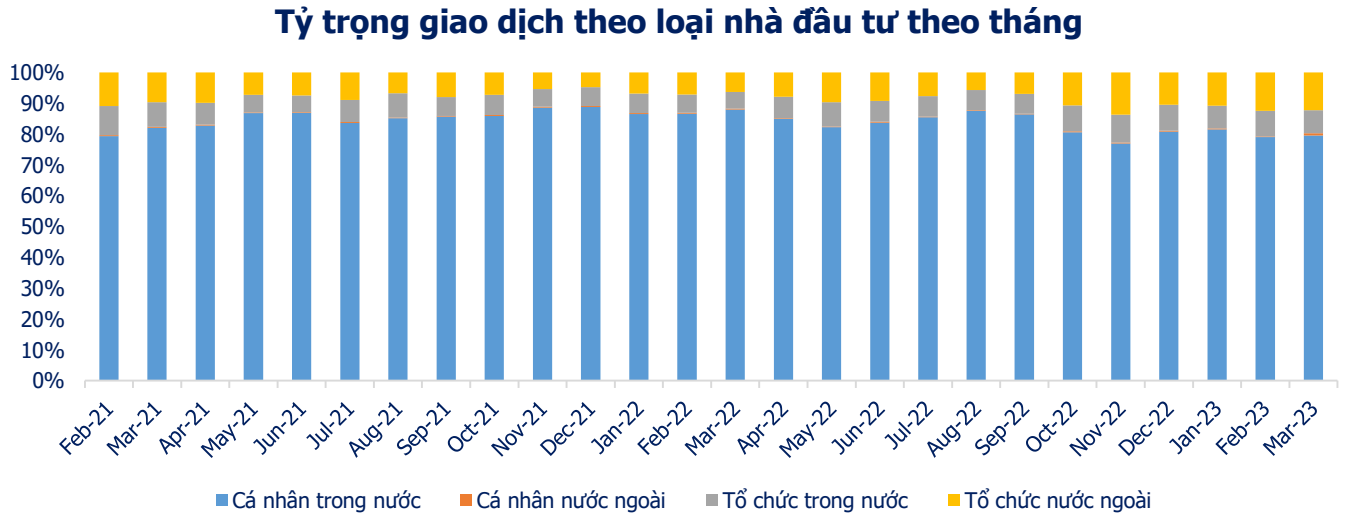

Điểm đặc biệt trong tháng 03 là nhà đầu tư cá nhân nước ngoài mua ròng đột biến với giá trị 2.067 tỷ đồng, cao hơn cả giá trị mua ròng 691,8 tỷ đồng của tổ chức nước ngoài. Ở chiều ngược lại tổ chức trong nước bán ròng tháng thứ 2 liên tiếp với giá trị bán 1.810,63 tỷ đồng và nhà đầu tư cá nhân sau tháng 02 mua ròng đã bán ròng 948,42 tỷ đồng.

Tỷ trọng của tổ chức nước ngoài duy trì ở mức cao (12,3%). Tỉ trọng giao dịch của nhà đầu tư cá nhân gia tăng trở lại với tỷ lệ 79,54% với hoạt động giao dịch gia tăng ở nhóm Bất động sản, tài chính, nhưng vẫn thấp hơn mức trung bình 84% trong 02 năm gần đây. Trong khi đó tỷ trọng của tổ chức trong nước giảm xuống mức 7,44%. Đối với cá nhân nước ngoài với giá trị mua ròng đột biến đã nâng tỷ lệ lên mức 0,73% so với mức trung bình 0,3%.

Nguồn: Fiingroup, SHS Research

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 3

Tỉ trọng giao dịch của nhóm cổ phiếu VN30 ở mức cao chiếm 44,17% của thị trường, trên mức trung bình 40% và tăng so với tháng 02, với hoạt động giao dịch cải thiện tốt của nhà đầu tư tổ chức. Nhóm cổ phiếu VNMID tỷ trọng tăng từ 39,26% so với tháng 02/2023 lên mức 41,46% tăng lên, phản ánh những tác động tích cực từ các thông tin hạ lãi suất, sửa đổi các thông tư hỗ trợ thị trường trái phiếu. Ngược lại tỷ trọng giao dịch của nhóm VNMSL giảm xuống mức 12,17% từ mức 14,32% trong tháng 02.

Giá trị giao dịch bình quân của thị trường vẫn trong xu hướng suy giảm và có thể kỳ vọng cải thiện tốt hơn trong quí II/2023.

Tỷ trọng giá trị giao dịch bình quân trên VN-Index

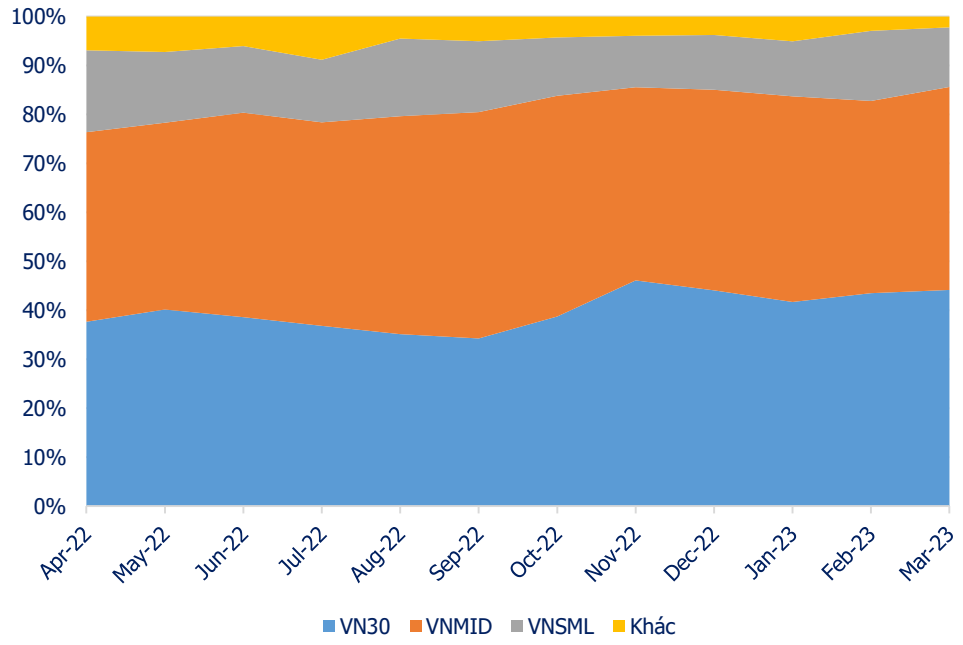

Giá trị giao dịch bình quân phiên trong 12 tháng gần nhất (tỷ đồng)

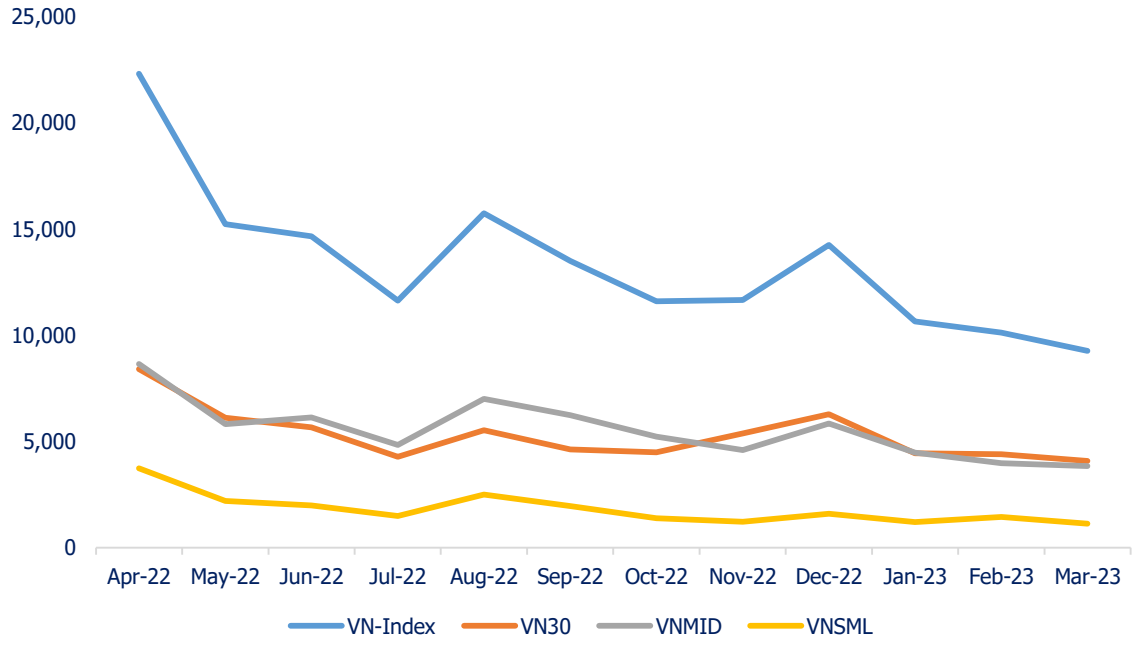

Nguồn: Bloomberg, Fiingroup, SHS Research

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 3

Số lượng tài khoản của nhà đầu tư mở mới trong tháng 3 là 39.802 tài khoản, giảm 38% so với tháng 2. Trong 7 tháng gần đây, số lượng tài khoản mở mới so với cùng kỳ đều giảm trong đó mức giảm của tháng 3 là mạnh nhất (85,3%). Tính chung 3 tháng đầu năm 2023 có 140.024 tài khoản chứng khoán mở mới, giảm 50,8% so với Q4/2022 và giảm 79,3% so với cùng kỳ 2022.

Tổng số tài khoản chứng khoán của nhà đầu tư tới cuối tháng 3/2023 đạt trên 7,03 triệu tài khoản, trong đó 7 triệu tài khoản là của nhà đầu tư nội (99,4%), số tài khoản của nhà đầu tư nước ngoài là 43.279 tài khoản.

Số lượng tài khoản chứng khoán mở mới theo tháng

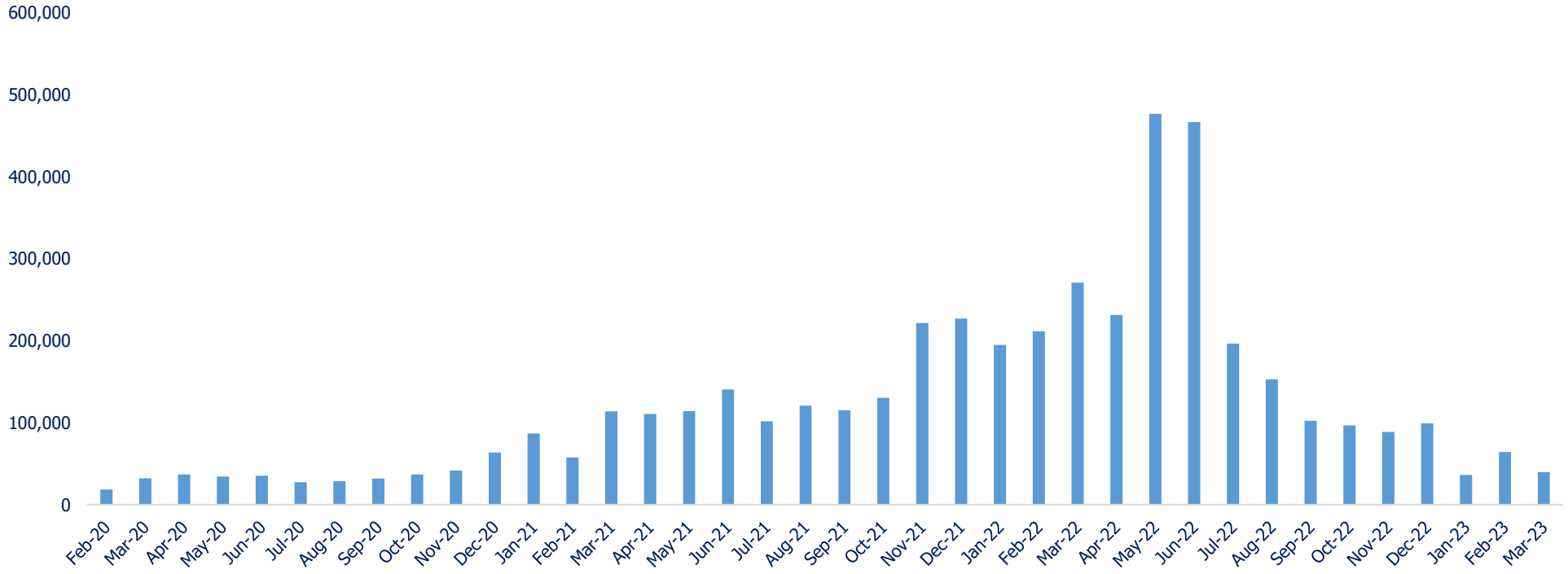

Nguồn: Bloomberg, SHS Research

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 3

Với giá trị giao dịch bình quân trong tháng 03 giảm so với tháng 02 thì hầu hết các ngành đều có giá trị suy giảm. Trong đó giảm mạnh nhất là nhóm bán lẻ, công nghệ thông tin, bảo hiểm với mức giảm hơn 40% so với tháng 2. Nhóm ngành hóa chất, hàng và dịch vụ công nghiệp cũng có giá trị giao dịch bình quân với mức giảm hơn 30%. Nhóm cổ phiếu bất động sản giảm ít hơn 16,38% và vẫn thấp hơn nhiều mức trung bình trong 01 năm qua. Trong khi đó nhóm ngân hàng có giá trị giao dịch bình quân tăng nhẹ nhờ nhóm nhà đầu tư nước ngoài (quỹ Fubon ETF) giao dịch tốt. Nhóm ngành dịch vụ tài chính cũng có giá trị giao dịch bình quân tăng tốt 11,5% nhờ dòng tiền gia tăng tốt khi thanh khoản thị trường dần cải thiện trở lại. Nhóm ngành du lịch và giải trí mặc dù chiếm tỷ trọng thấp nhưng có giá trị giao dịch bình quân tăng mạnh nhất trong tháng 03 với tỷ lệ tăng gần 50% khi nhà đầu tư kỳ vọng các hoạt động du lịch khởi sắc trở lại nhờ Trung Quốc mơ cửa sau đại dịch.

GTGD bình quân phiên theo ngành (tỷ đồng, biểu đồ 1)

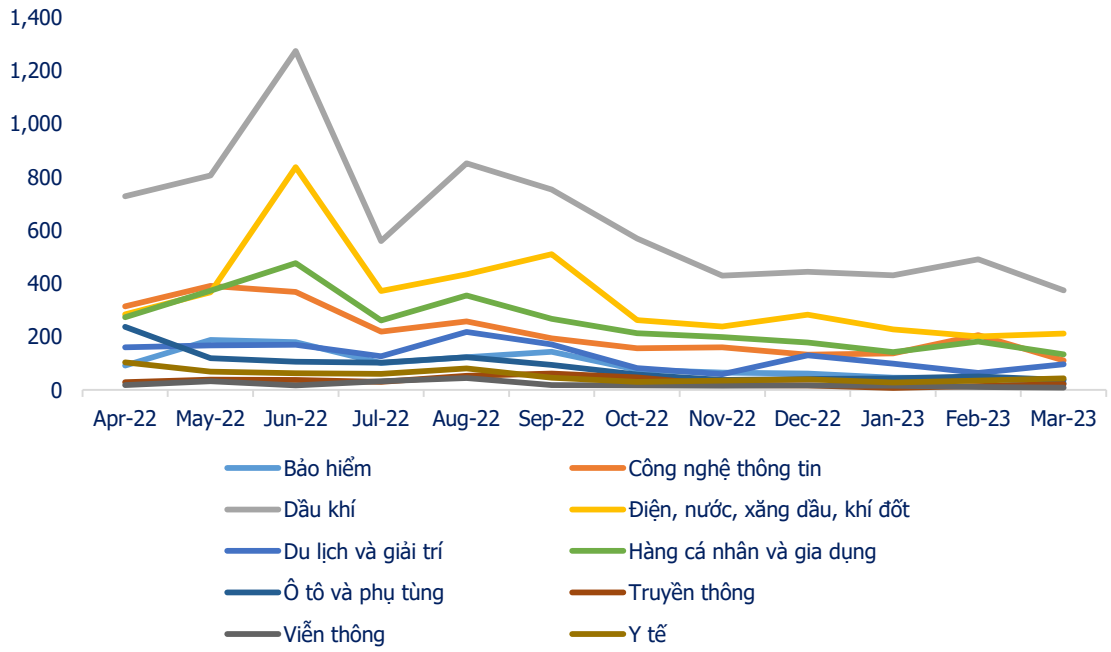

GTGD bình quân phiên theo ngành (tỷ đồng, biểu đồ 2)

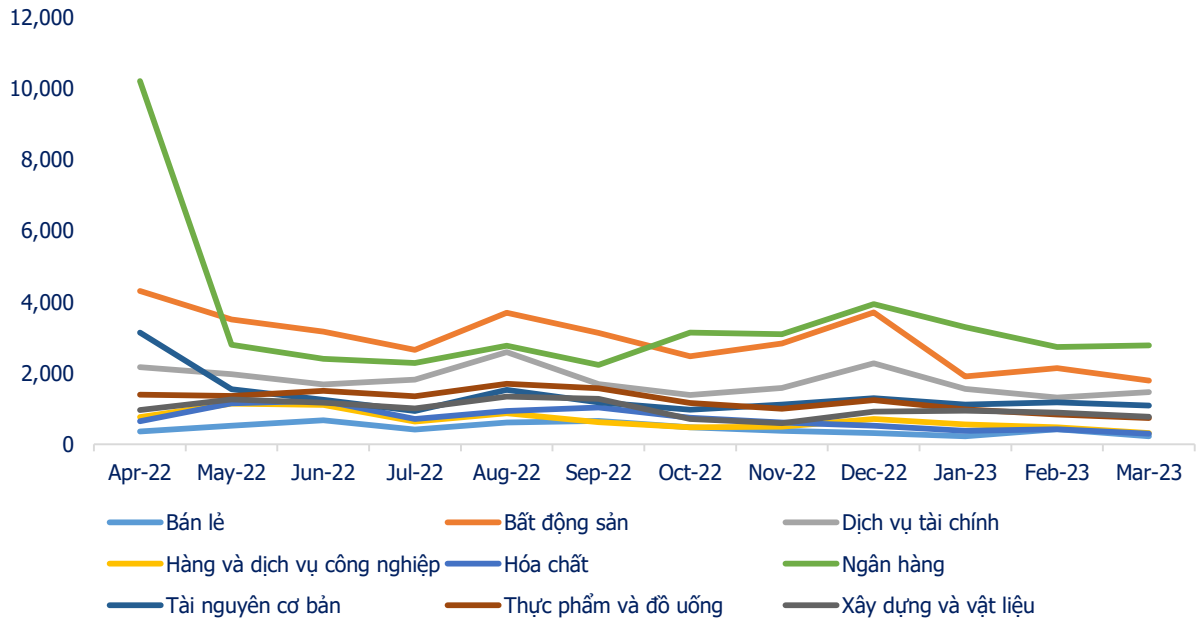

Nguồn: Bloomberg, Fiingroup, SHS Research

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 3

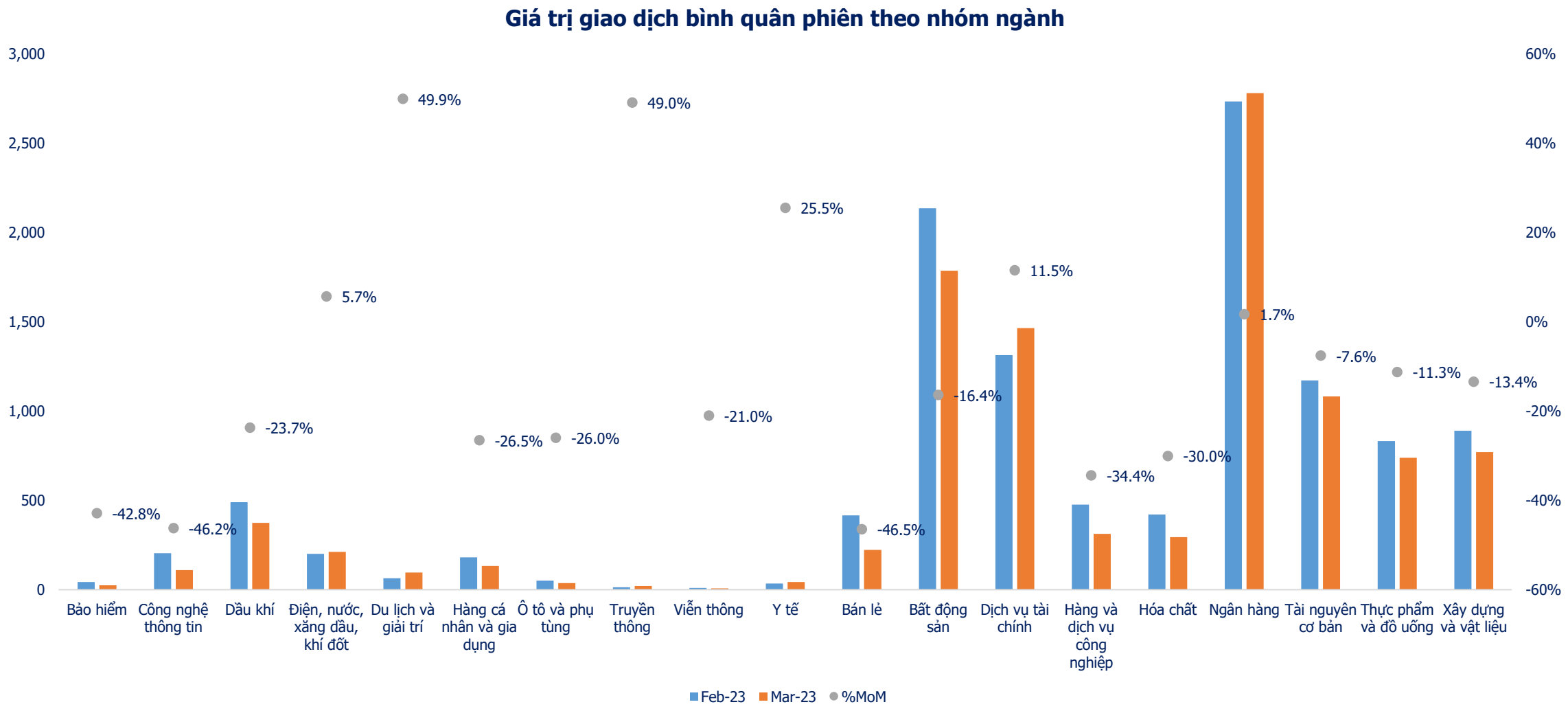

Nguồn: Bloomberg, SHS Research

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 3

Tăng/giảm các nhóm ngành và chỉ số thị trường trong tháng 3/2023

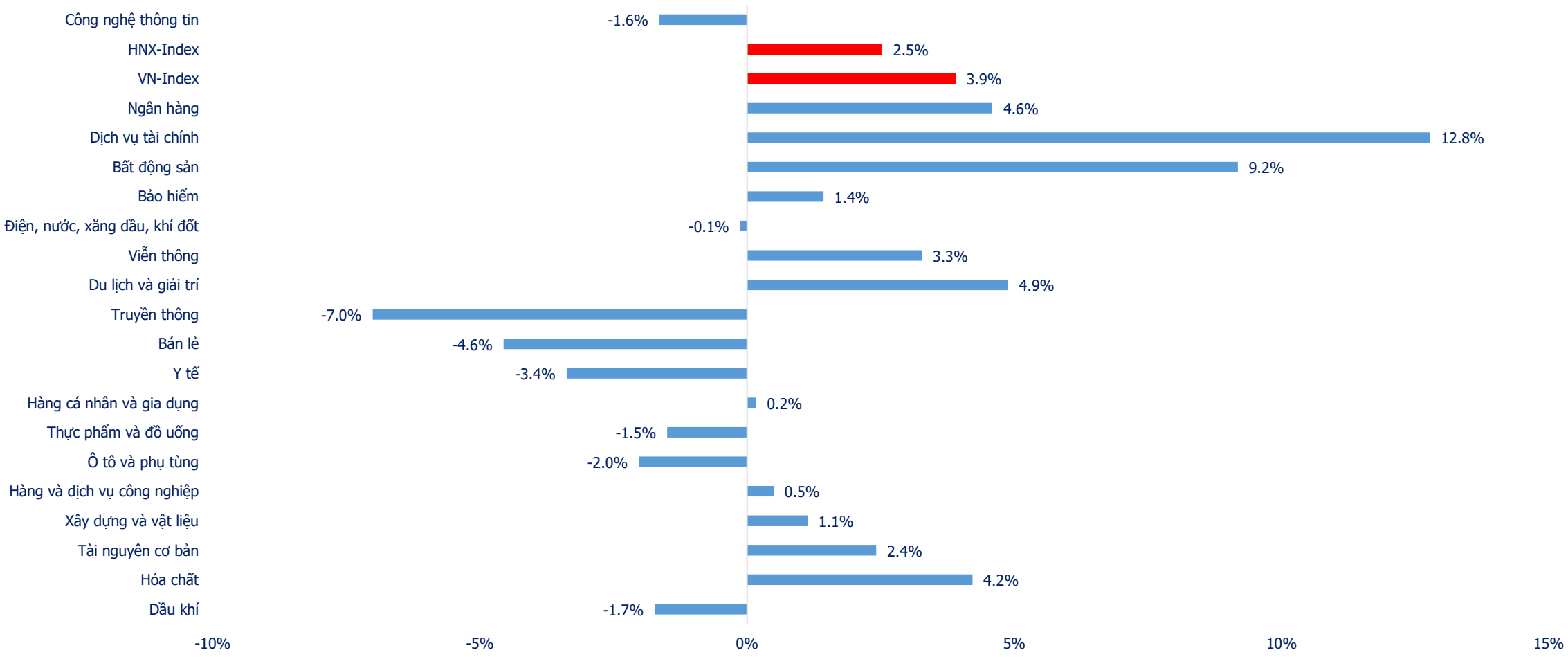

Nguồn: Fiingroup, SHS Research

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 3

Nhà đầu tư nước ngoài mua ròng trở lại trong tháng 03. Sau khi bán ròng nhẹ trong tháng 2, khối ngoại mua ròng 3.037 tỷ trên cả 3 sàn trong tháng 3 trong đó riêng tại HOSE là 2.759 tỷ đồng nhờ quỹ ETF Fubon giải ngân mua ròng với giá trị 65 triệu USD. Khối này tiếp tục mua ròng tháng thứ 6 liên tiếp trên HNX với giá trị 324,95 tỷ đồng, quay trở lại bán ròng trên sàn Upcom với giá trị 47,37 tỷ đồng. Như vậy trong quý I/2023, nhà đầu tư nước ngoài mua ròng 6.961 tỷ đồng so với giá trị bán ròng 6.606 tỷ cùng kỳ năm 2022.

Giá trị mua/bán ròng của nhà đầu tư nước ngoài trên HOSE theo tháng từ 2021 (tỷ đồng)

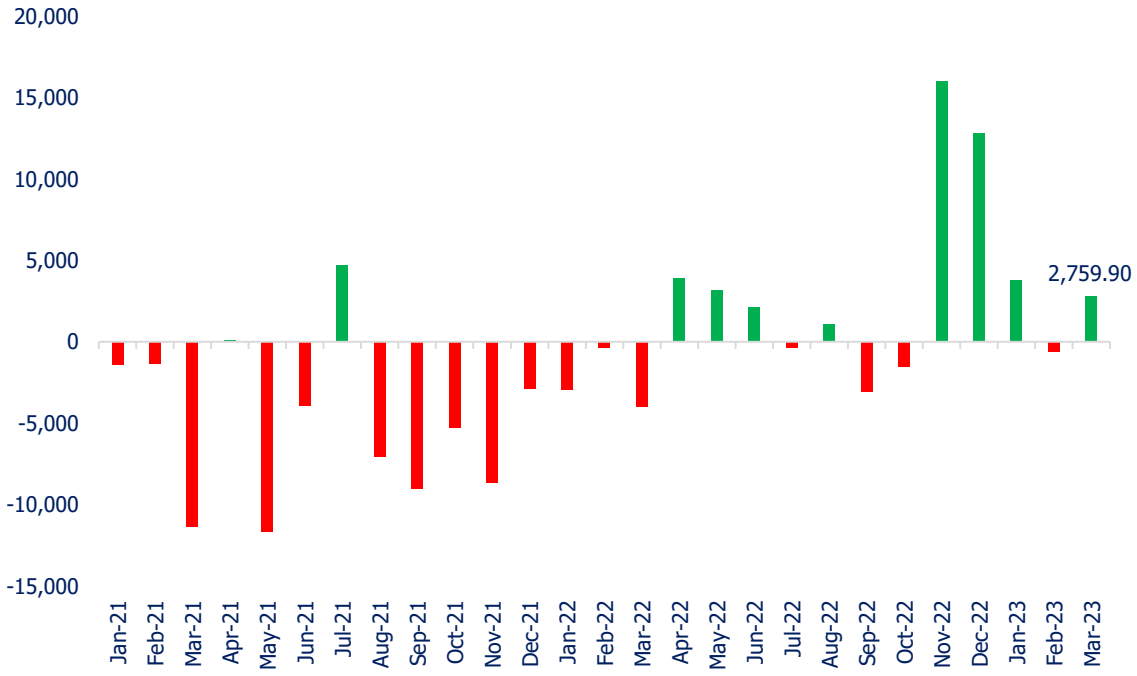

Lũy kế giao dịch cổ phiếu khối ngoại (2021-2023)

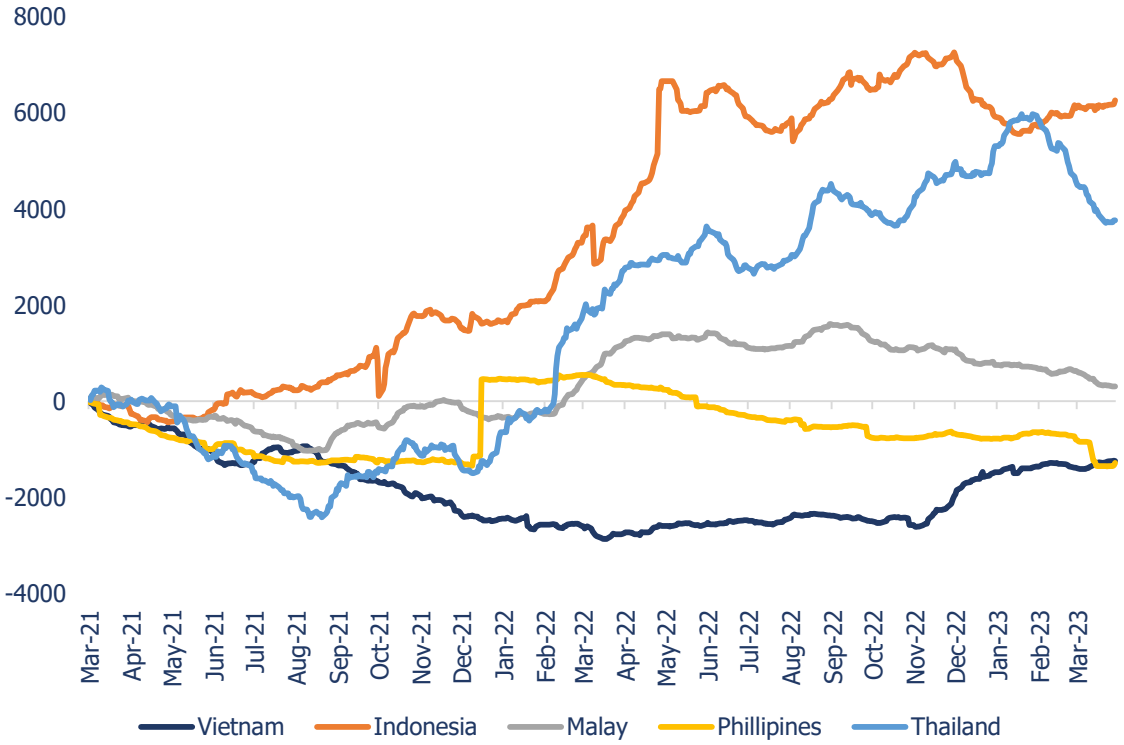

Nguồn: Bloomberg, Fiingroup, SHS Research

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 3

Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên HOSE tháng 3/2023 (tỷ đồng)

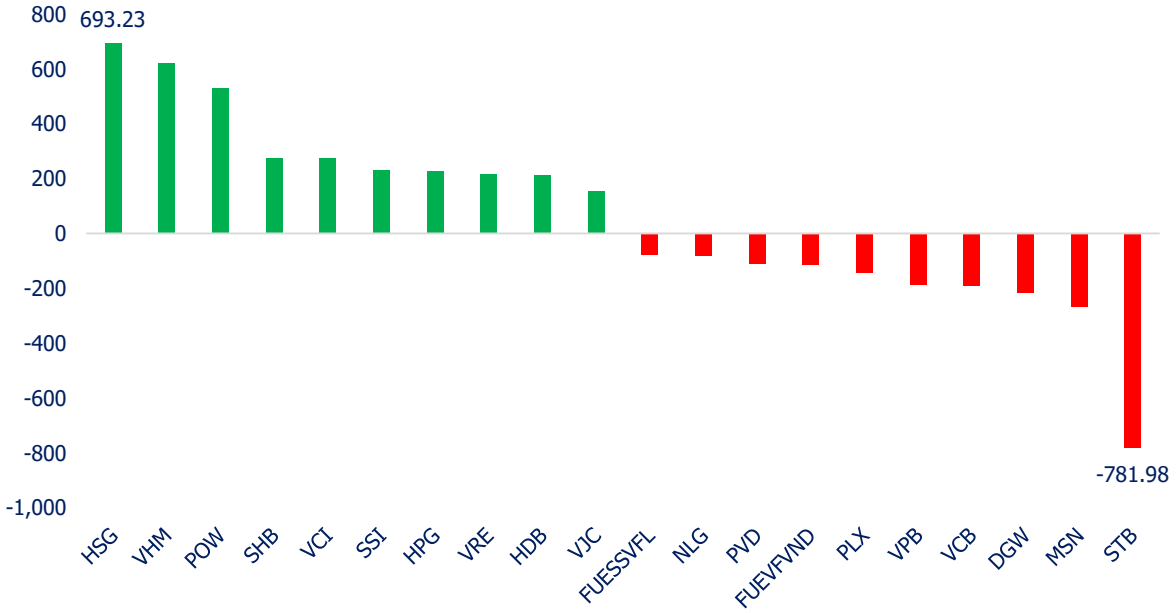

Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên HOSE Quý I/2023 (tỷ đồng)

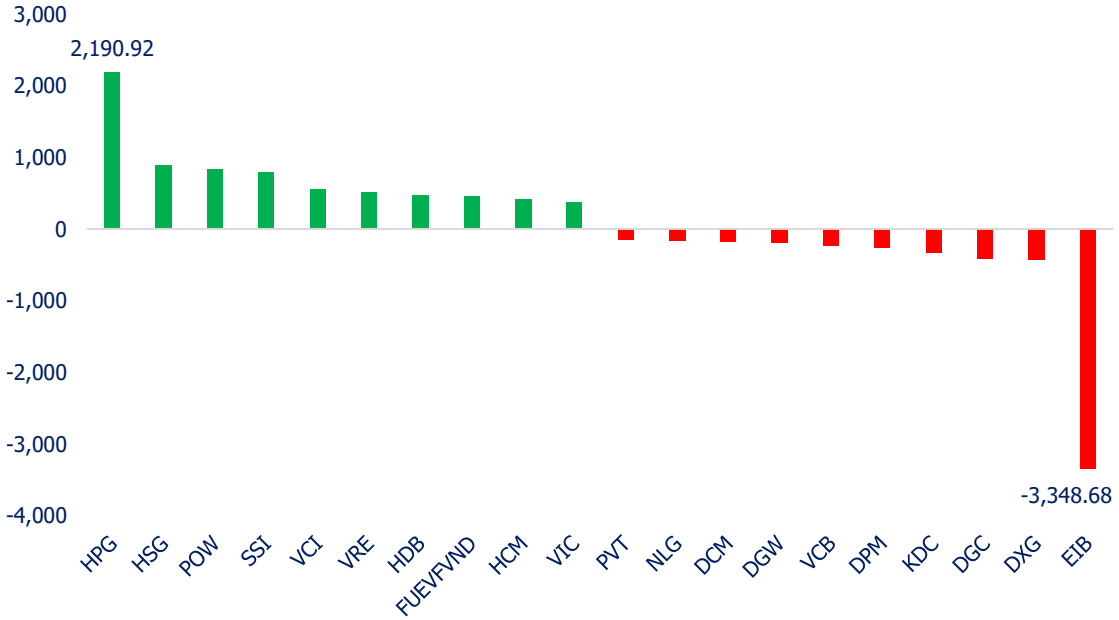

Nguồn: Fiingroup, SHS Research

Tại HOSE, thép là một trong những nhóm ngành được mua ròng mạnh nhất với HSG (693,23 tỷ đồng), HPG (227,0 tỷ đồng). VHM sau khi bị bán ròng trong tháng 02 đã được mua ròng mạnh trở lại với giá trị 620,52 tỷ đồng. Nhóm ngành chứng khoán cũng được mua ròng mạnh với VCI (275,16 tỷ đồng) và SSI (231,7 tỷ đồng). Lũy kế 03 tháng đầu năm 2023 nhóm cổ phiếu thép được mua ròng đột biến với HPG (2.190,92 tỷ đồng) và HSG (881,89 tỷ đồng).

Ngược lại STB là cổ phiếu bị bán ròng mạnh trong tháng 03 với giá trị 781,98 tỷ đồng. Trong khi lũy kế 03 tháng đầu năm thì EIB bị bán ròng mạnh nhất với 3.348,68 tỷ đồng do nhà đầu tư lớn, đối tác nước ngoài SMBC thoái vốn sau hơn 15 năm hợp tác.

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 3

Tại HNX, khối ngoại mua ròng tháng thứ 6 liên tiếp với 324,95 tỷ đồng trong tháng 3. Trong quý I/2023, nhà đầu tư nước ngoài mua ròng trên sàn HNX với giá trị 1.009,97 tỷ đồng.

IDC tiếp tục là mã được khối ngoại mua ròng nhiều nhất trong tháng 3 với 145,39 tỷ đồng. PVS được mua ròng mạnh tiếp theo với 106,52 tỷ đồng. Ở chiều ngược lại, NVB bị bán ròng với giá trị 7,89 tỷ đồng. Lũy kế trong 3 tháng đầu năm, IDC và PVS là hai mã được mua ròng mạnh nhất chiếm 66,8% tỷ trọng mua ròng. Trong khi đó, PMC và NVB là hai mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất.

Nguồn: Fiingroup, SHS Research

Giá trị mua/bán ròng của nhà đầu tư nước ngoài trên HNX theo tháng từ 2021 (tỷ đồng)

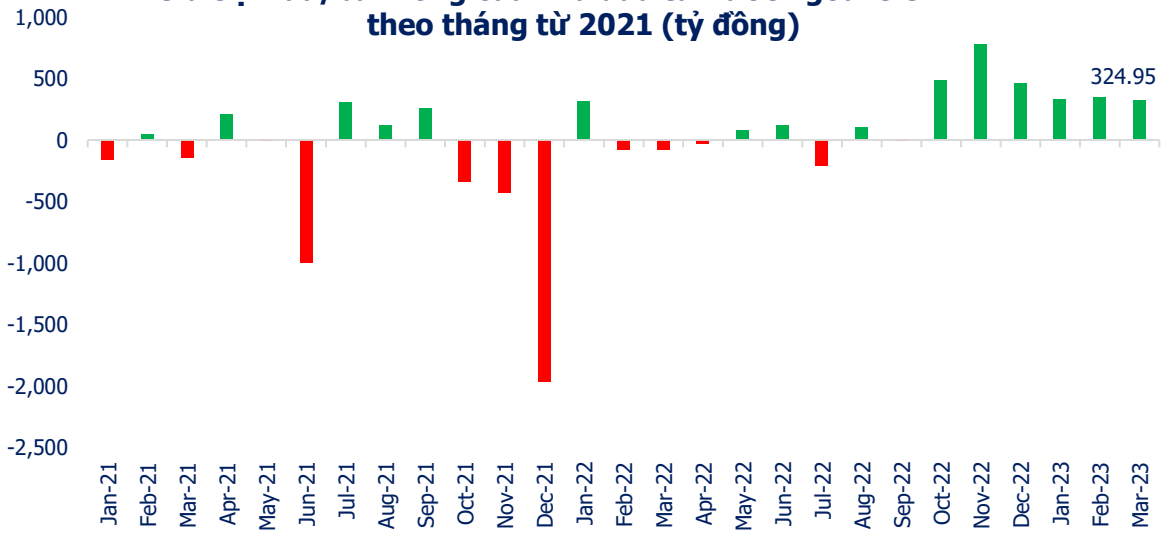

Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên HNX tháng 3/2023 (tỷ đồng)

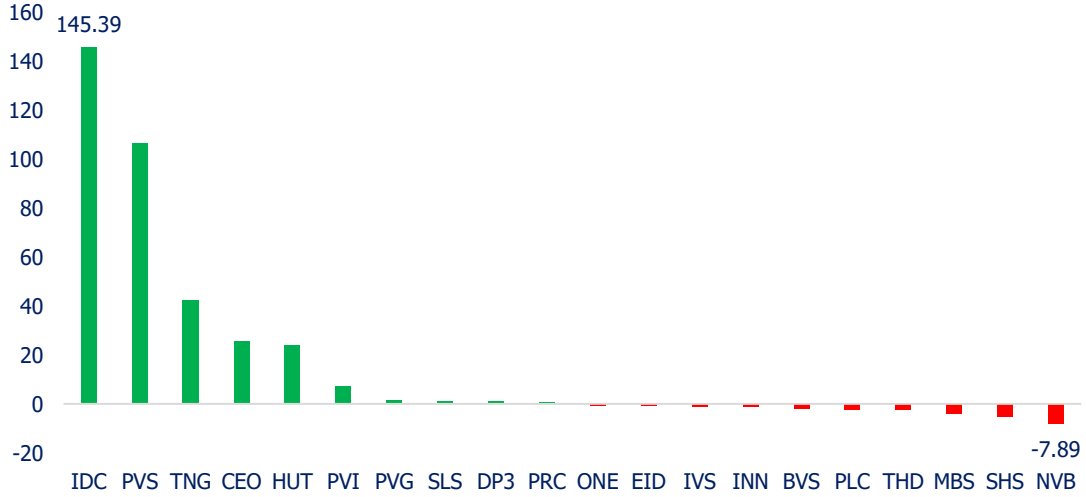

Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên HNX trong Quý I/2023 (tỷ đồng)

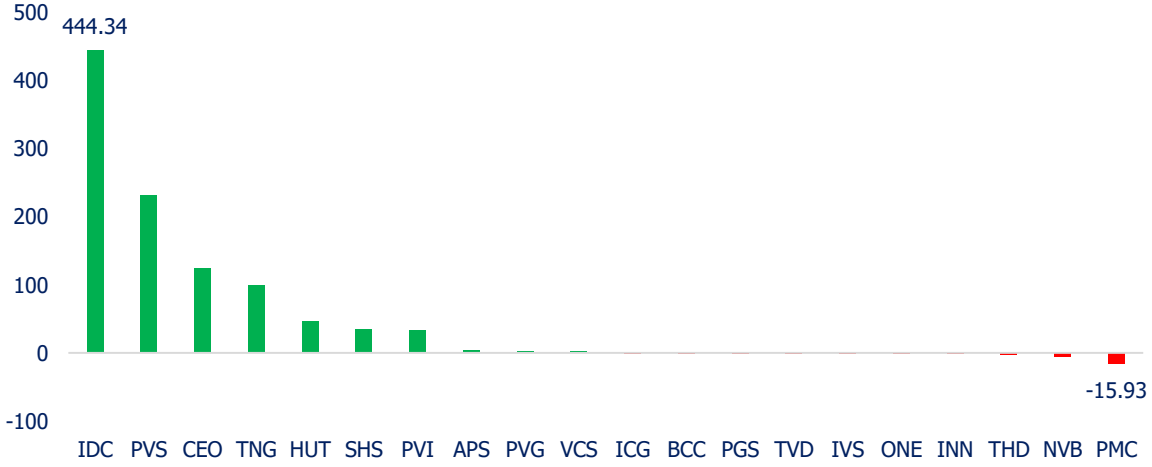

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 3

Biến cơ hội thành giá trị

Khối ngoại bán ròng 47,37 tỷ đồng trên UPCOM trong tháng 03. Trong 03 tháng đầu năm 2023, khối này vẫn mua ròng trên UPCOM với giá trị 43,69 tỷ đồng.

ACV được mua ròng lớn nhất với giá trị 12,57 tỷ đồng và VTP là mã bị bán ròng nhiều nhất với giá trị 48,32 tỷ đồng trong tháng 03. Tính từ đầu năm, BSR và QNS là hai mã được mua ròng nhiều nhất với giá trị ròng lần lượt là 125,54 tỷ đồng và 40,65 tỷ đồng. VTP và VEA là hai mã bị bán ròng nhiều nhất với giá trị bán ròng lần lượt 141,40 tỷ đồng và 34,90 tỷ đồng.

Giá trị mua/bán ròng của nhà đầu tư nước ngoài trên UPCOM theo tháng từ 2021 đến nay (tỷ đồng)

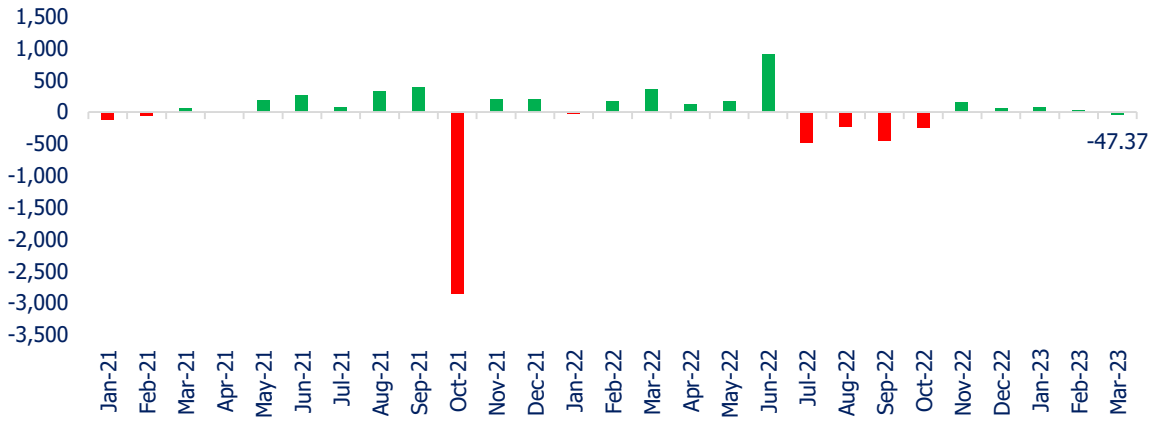

Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên UPCOM trong tháng 3/2023 (tỷ đồng)

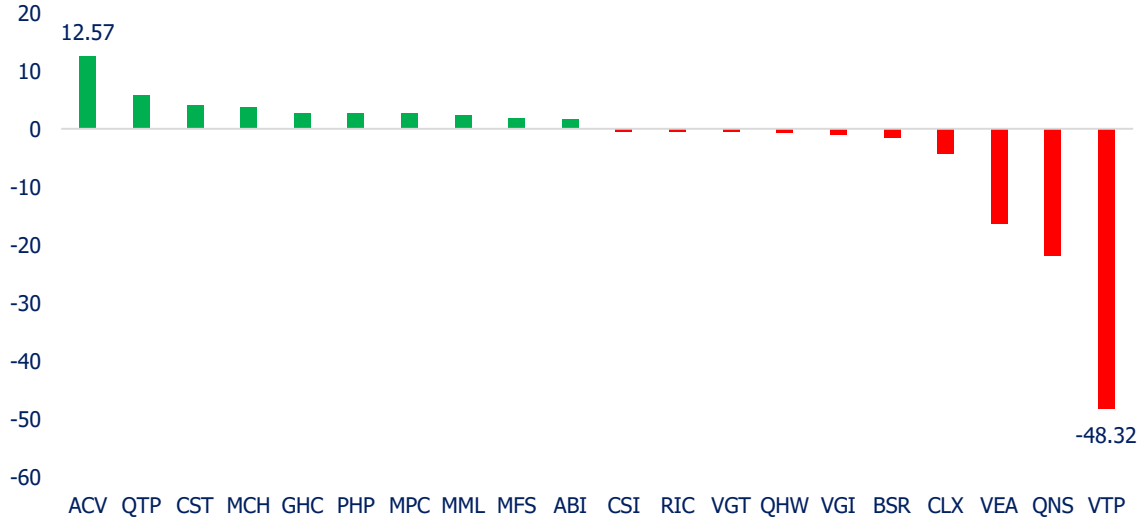

Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên UPCOM Quý I/2023 (tỷ đồng)

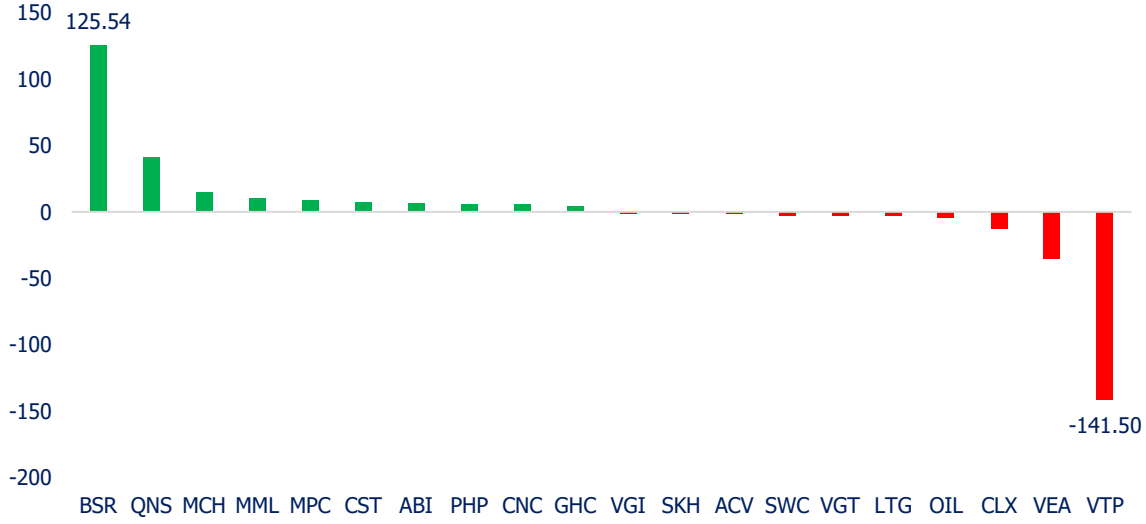

Nguồn: Fiingroup, SHS Research

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 3

Trong tháng 3/2023, dòng tiền ETF có xu hướng rút ròng trên các thị trường Đông Nam Á như Thái Lan (-13 triệu USD), Philippines (-24 triệu USD) đặc biệt là Indonesia (-43 triệu USD) khi thị trường này bị rút ròng liên tiếp từ đầu năm đến nay với 120 triệu USD. Việt Nam vẫn là thị trường chủ lực của ETF trong khu vực khi ghi nhận hút ròng hơn 63 triệu USD. Điểm tích cực đến từ Fubon ETF khi quỹ đã phát hành thêm 179 triệu CCQ, tương đương số tiền giải ngân hơn 65 triệu USD vào thị trường Việt Nam. Hiện Fubon ETF đã vượt qua DCVFM VNDiamond ETF để trở thành quỹ ETF lớn nhất Việt Nam về quy mô tài sản ròng (NAV~820 triệu USD).

Dòng vốn ETF theo quốc gia (Triệu USD)

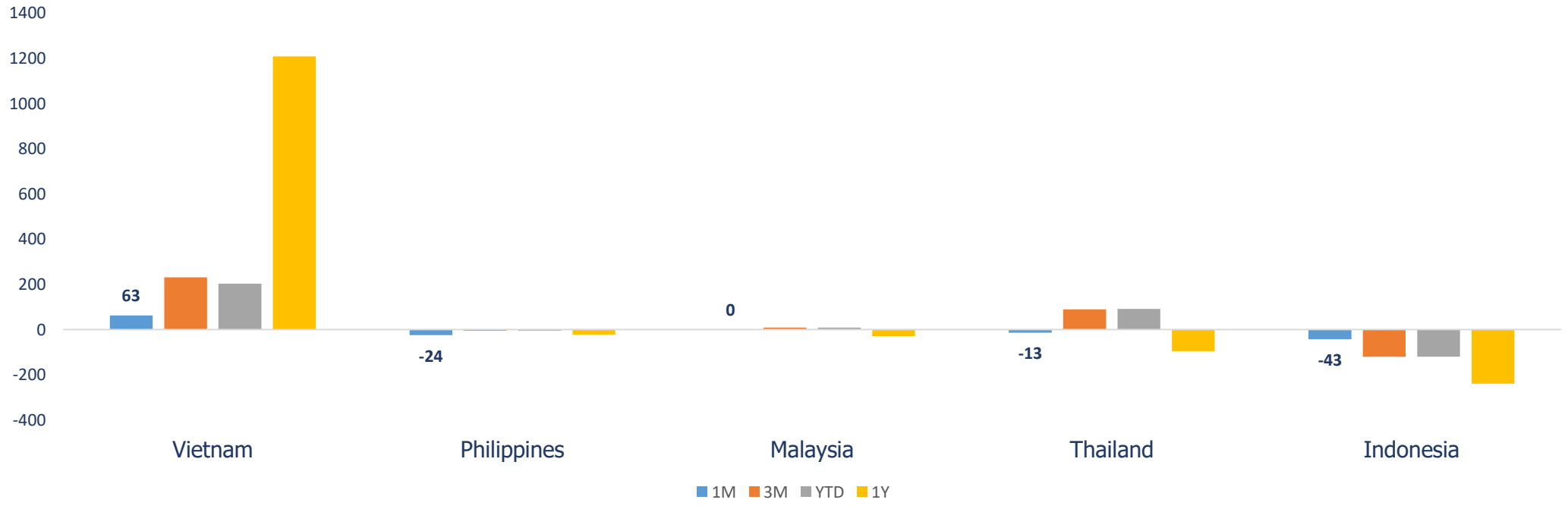

Nguồn: Bloomberg, SHS Research

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 3

Tên quỹ	Loại hình	Tổng AUM (triệu USD)	NAV (tỷ USD)	Số lượng CCQ	Dòng vốn ròng (triệu USD) 1M	3M	YTD	1Y
DCVFMVN Diamond ETF (VND)	ETF	795	1.2	833,600,000	(5.0)	22.2	22.2	308.7
Fubon FTSE Vietnam ETF (TWD)	ETF	829	0.5	2,178,738,000	65.4	67.0	67.0	546.5
DCVFMVN30 ETF Fund (VND)	ETF	354	0.9	461,300,000	(3.7)	19.6	19.6	16.0
VanEck Vietnam ETF (USD)	ETF	517.3	14.9	42,800,000	5.2	94.3	94.3	171.4
Xtrackers FTSE Vietnam Swap UCITS ETF (EUR)	ETF	326.2	33.7	12,344,550	5.0	51.4	51.4	105.7
SSIAM VNFIN LEAD ETF (VND)	ETF	164.6	0.7	240,800,000	(5.4)	1.2	1.2	35.4
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF (KRW)	ETF	145.2	15.7	11,000,000	6.2	-44.8	-44.8	15.7
Premia MSCI Vietnam ETF (USD)	ETF	16.2	9.9	2,080,000	0.3	0.3	0.3	-2.1
SSIAM VNX50 ETF (VND)	ETF	5.7	1.0	8,800,000	0.0	-0.5	-0.5	-2.0
Asian Growth CUBS ETF (USD)	ETF	10.2	21.5	520,000	0.0	0.0	0.0	0.2
Global x MSCI Vietnam ETF (USD)	ETF	4.3	19.5	370,000	0.5	1.2	1.2	0.2
SSIAM VN30 ETF (VND)	ETF	3.7	0.8	6,700,000	0.2	0.2	0.2	0.2
KIM KINDEX Vietnam VN30 Fututres Leverage ETF (KRW)	ETF	5.5	10.6	800,000	2.0	3.3	1.2	3.9
KIM GROWTH VN30 ETF (VND)	ETF	13.2	0.3	44,000,000	-2.3	-5.0	-5.0	11.8

Nguồn: Bloomberg, SHS Research

TRIỂN VỌNG TTCK THÁNG 04

TRIỂN VỌNG TTCK THÁNG 4

VN-Index đã hồi phục 39,96 điểm (+3,9%) trong tháng 3 và tiếp tục duy trì vận động trong kênh tăng giá ngắn hạn.

Việc VN-Index vượt lên trên đường MA20 và hồi phục sau khi chạm ngưỡng hỗ trợ của kênh tăng giá ngắn hạn đi kèm với sự cải thiện của khối lượng giao dịch toàn thị trường cho thấy động lực tăng của chỉ số vẫn đang được duy trì ổn định. Khoảng thời gian tích lũy 6 tuần trong tháng 2/2023 - 3/2023 đã tạo ra các nền tảng tương đối chặt chẽ đối với chỉ số Index và nhiều nhóm cổ phiếu, giúp cho đợt hồi phục được đánh giá là khá tin cậy.

Trong tháng 4/2023 xu hướng hồi phục toàn thị trường kỳ vọng sẽ tiếp tục duy trì, VN-Index tiếp tục vận động trong kênh tăng ngắn hạn (2 đường đỏ song song như trên đồ thị), mục tiêu hướng tới là khu vực 1.150 điểm. Nếu xét ở góc nhìn trung dài hạn, hiện tại VN-Index đang vận động chặt chẽ với biên độ hẹp dần (đỉnh không đổi, đáy sau cao hơn đáy trước). Đây là trạng thái vận động mang tính tích lũy rộng và củng cố thêm động lực cho xu hướng hồi phục của thị trường.

TRIỂN VỌNG TTCK THÁNG 4

Vào thời điểm kết thúc tháng 3/2023, định giá toàn thị trường tiếp tục duy trì ở mức thấp so với trung bình nhiều năm, P/E của chỉ số VN-Index đang ở mức 10,7 lần, thấp hơn 35% so với mức trung bình trong 10 năm gần nhất (16,5 lần).

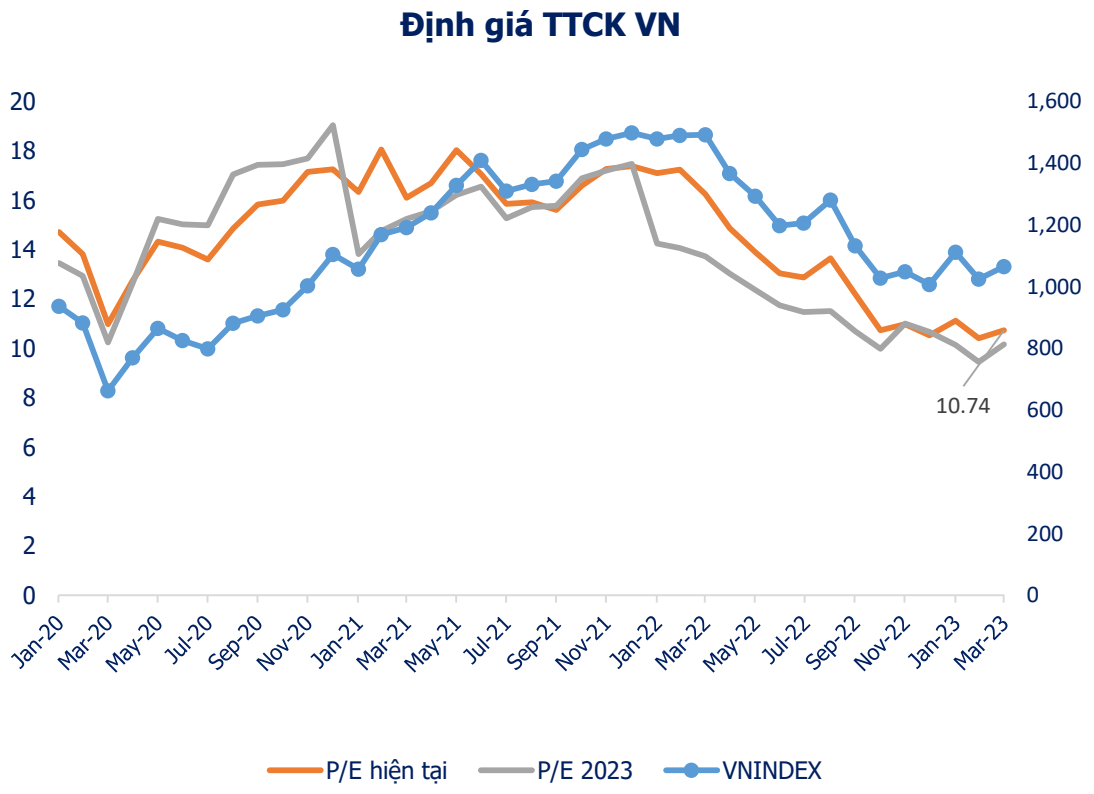

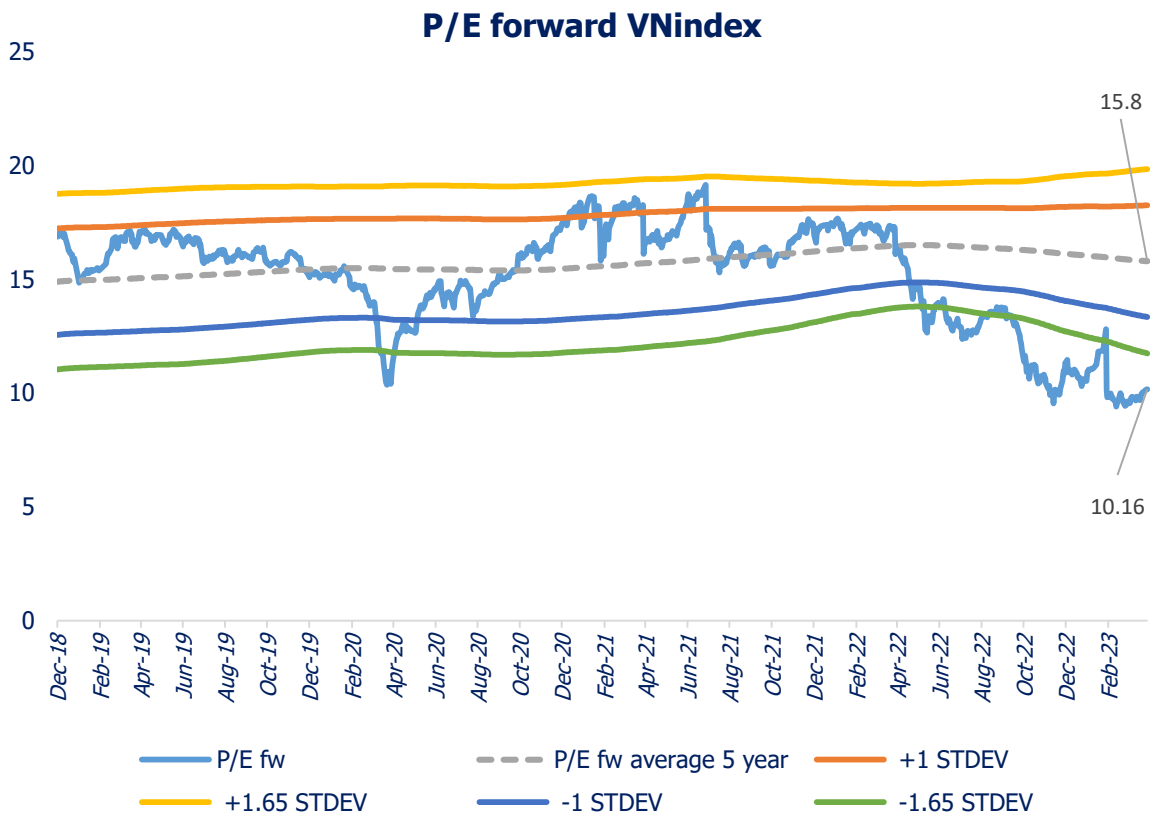

Nguồn: Bloomberg, SHS tổng hợp

TRIỂN VỌNG TTCK THÁNG 4

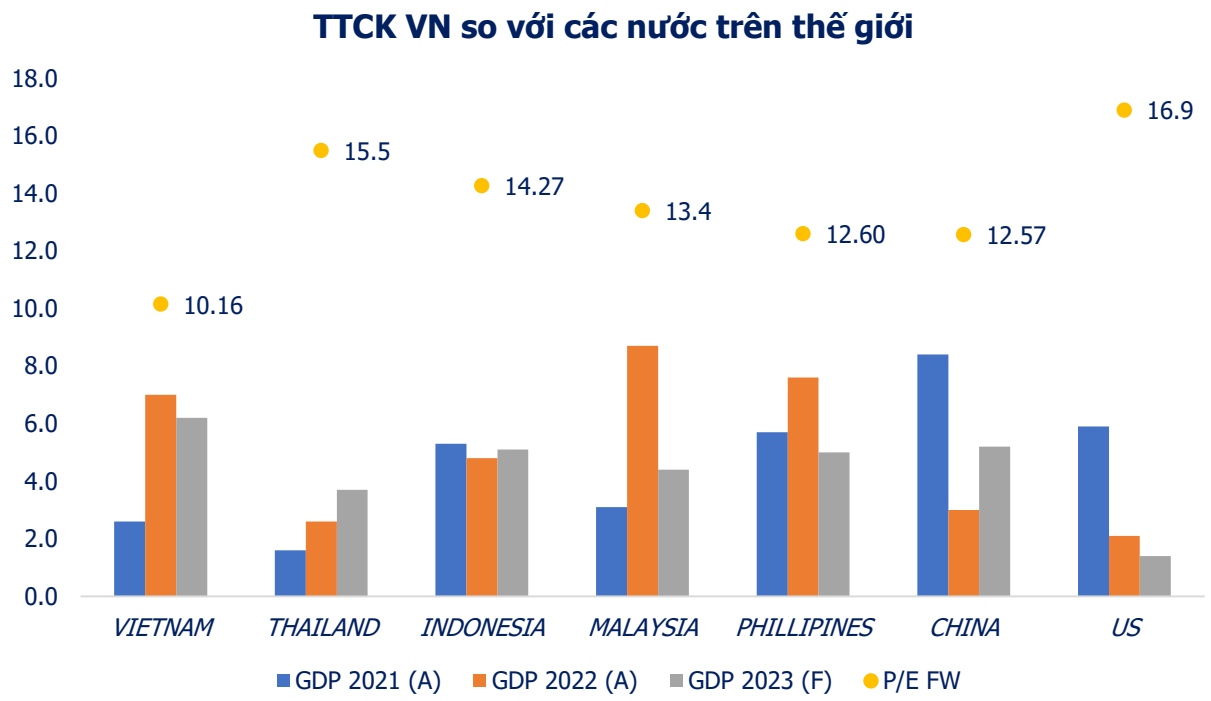

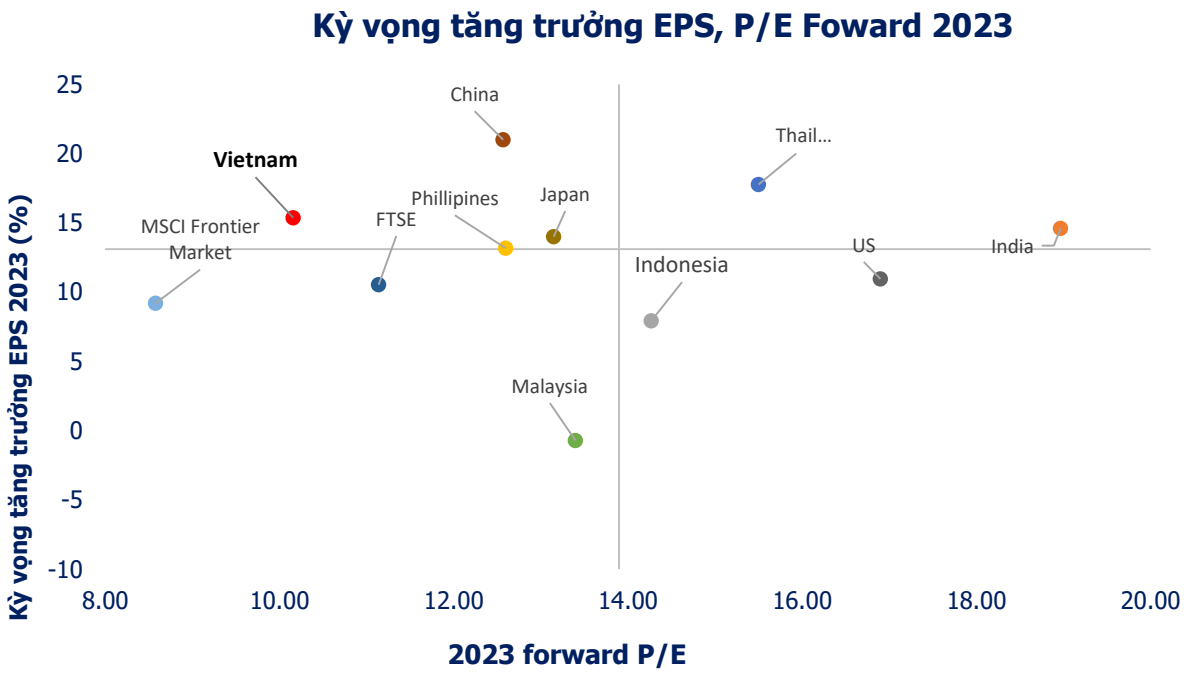

Nguồn: Bloomberg, SHS tổng hợp

LỊCH SỰ KIỆN THÁNG 4

03/04/2023

Sự kiện quốc tế
Cuộc họp hội đồng OPEC cấp bộ trưởng

Sự kiện trong nước
Công bố chỉ số PMI ở Việt Nam

06/04/2023

Sự kiện quốc tế
Công bố chỉ số PMI ở Trung Quốc

07/04/2023

Sự kiện quốc tế
Công bố tỷ lệ thất nghiệp ở Mỹ

12/04/2023

Sự kiện quốc tế
Công bố chỉ số CPI ở Mỹ

17/04/2023

Sự kiện trong nước
Review thành phần bộ chỉ số VNFINLEAD, VNDIAMOND, VN30

18/04/2023

Sự kiện quốc tế
Công bố chỉ số GDP ở Trung Quốc (quý I)

19/04/2023

Sự kiện quốc tế
Công bố chỉ số giá tiêu dùng CPI ở Châu Âu

20/04/2023

Sự kiện trong nước
Ngày GDCC của HĐTL VN30 tháng 4/2023

29/04/2023

Sự kiện trong nước
Công bố số liệu kinh tế Việt Nam tháng 4/2023

DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2023

DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2023

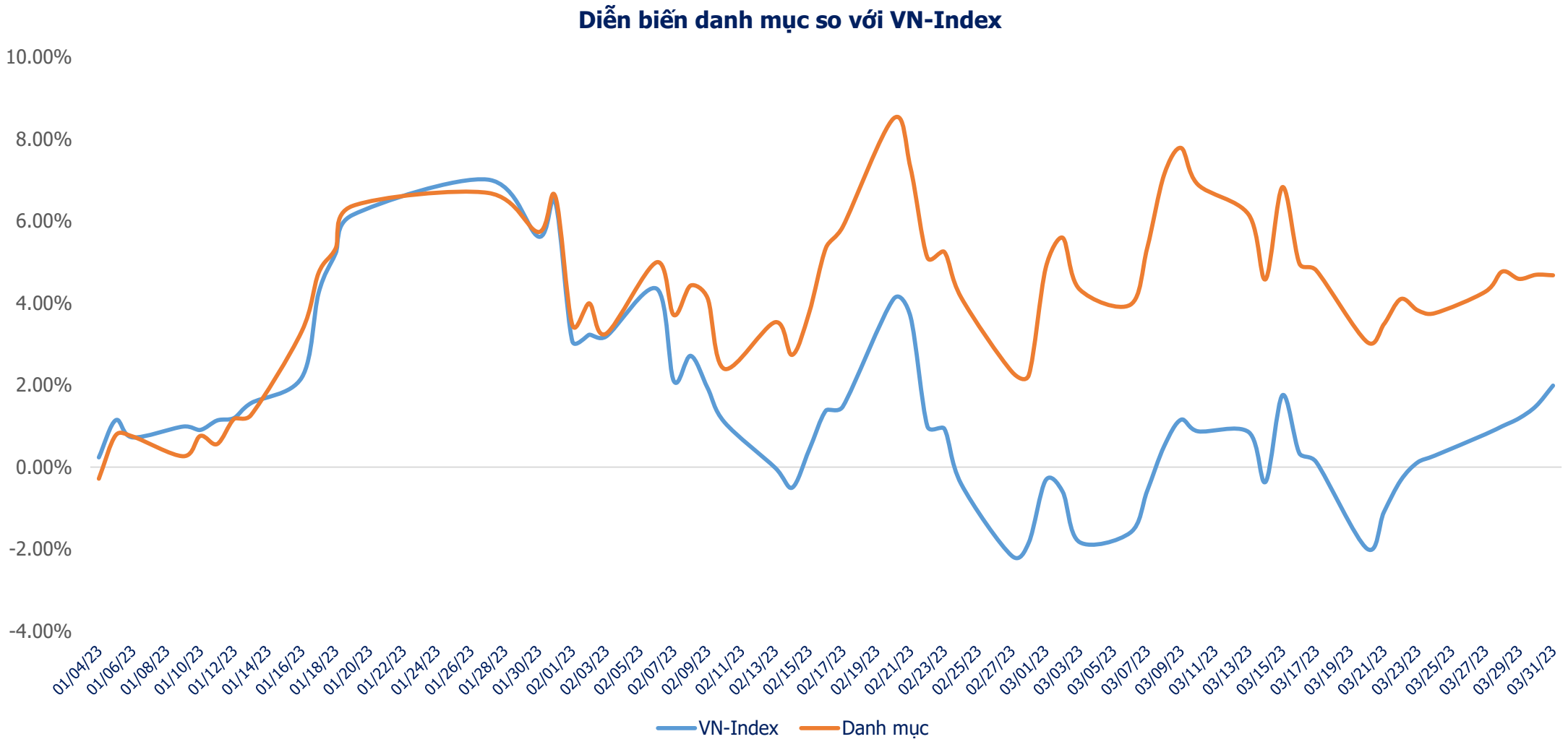

DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2023

Mã CK	Tên doanh nghiệp	Giá mục tiêu PTKT (nghìn đồng)	Giá cao nhất tháng 3/2023	Giá tại ngày 31/3/23	Ghi chú
GAS	Tổng Công ty Khí Việt Nam	125-130	108,5	102,0	• GAS đặt KH sản xuất và tiêu thụ 7,7 tỷ m3 khí khô (-1,3%); 1,76 triệu tấn LPG (-12%); 84 nghìn tấn Condensate (-16,8%), tổng doanh thu 76.441 tỷ đồng (-24% YoY) và lãi sau thuế 6.539 tỷ đồng (-56,7% YoY). ĐHCĐ dự kiến vào ngày 14/4/2023.
PVS	Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	29-30	27,7	25,4	• Doanh thu 2022 sau kiểm toán giảm 40 tỷ xuống 16.372 tỷ đồng (+15,3% YoY), giá vốn giảm 90 tỷ xuống 15.457 tỷ đồng (+15,2% YoY), lãi ròng tăng 14% lên 884 tỷ đồng (+47% YoY). • Quỹ Kiwoom (Hàn Quốc) mua thêm 200.000 cp, quỹ Delta Global mua 150.000 cp, VinaCapital mua 228.400 cp, Quỹ VESAF (Vinacapital) mua thêm 287.800 cp, nâng sở hữu lên 0,35%. • Dự kiến họp ĐHCĐ ngày 29/5/2023.
BMI	Tổng CTCP Bảo Minh	30-32	27,15	23,6	• Doanh thu phí bảo hiểm của BMI năm 2022 đạt 5.399 tỷ đồng, tương đương 8% thị phần, xếp thứ 4 thị trường bảo hiểm phi nhân thọ. Tốc độ tăng phí bảo hiểm gốc đạt 20,3%, cao hơn mức 16,8% toàn ngành. Bảo hiểm sức khỏe là mảng đem lai doanh thu phí lớn nhất cho BMI, tiếp theo là bảo hiểm cháy nổ, bảo hiểm xe cơ giới. • Kế hoạch năm 2023: doanh thu phí bảo hiểm gốc 5.770 tỷ đồng (+6% YOY), tổng doanh thu 6.750 tỷ đồng (+7% YoY), LNTT 375 tỷ đồng (+9,4% YoY), tỷ lệ chia cổ tức tối thiểu 10%. • BMI đang được giao dịch ở mức PB 1,11x, thấp hơn mức trung bình ngành 1,34x. • Câu chuyện đầu tư. Kế hoạch thoái vốn nhà nước và tăng tỷ lệ sở hữu nước ngoài lên 100% tại BMI. Hiện Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) sở hữu xấp xỉ 51%, Tập đoàn AXA (Pháp) và cổ đông lớn nước ngoài khác sở hữu trên 20% vốn cổ phần BMI.

DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2023

Mã CK	Tên doanh nghiệp	Giá mục tiêu PTKT (nghìn đồng)	Giá cao nhất tháng 3/2023	Giá tại ngày 31/3/23	Ghi chú
SZC	CTCP Sonadezi Châu Đức	34-36	30,15	29,5	• Đặt KHKD năm 2023 với doanh thu 914,5 tỷ đồng (+6,5% YoY), lợi nhuận sau thuế 210,2 tỷ đồng (+106,5%). Trong đó doanh thu cho thuê đất công nghiệp 555,8 tỷ đồng, kinh doanh BĐS dân dụng 221,6 tỷ đồng, doanh thu phí đường bộ 86,4 tỷ đồng, kinh doanh sân golf Châu Đức 40 tỷ. Phát hành cổ phiếu trả cổ tức với tỷ lệ 20%. • Chi Đầu tư XDCB 385,7 tỷ đồng, và bồi thường GPMB 1.326 tỷ đồng. Tổng chi phí đầu tư Khu đô thị dự kiến năm 2023 khoảng 194,7 tỷ đồng. Tổng giá trị đầu tư xây dựng hạ tầng KCN dự kiến trong năm 2023 là 164 tỷ đồng.
IDC	Tổng công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và KCN Việt Nam	50-53	41,4	41,0	• Sau kiểm toán, doanh thu giảm 758 tỷ đồng xuống 7.485 tỷ đồng và LNST giảm 541 tỷ đồng xuống 2.054 tỷ đồng. Nguyên nhân là do (1) các hợp đồng ghi nhận doanh thu một lần chưa đủ điều kiện phải ghi nhận phân bổ theo thời gian thuê đất và (2) bổ sung phần lỗ trong công ty liên kết khoản đầu tư vào CTCP Phát triển đường cao tốc Biên Hoà – Vũng Tàu. • Năm 2023, IDC đặt kế hoạch Doanh thu 8.276,8 tỷ đồng (+10,6% yoy) trong đó doanh thu công ty mẹ 2,964,1 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 2.525,2 (-3,5% yoy), cổ tức 40%. • Tổng diện tích KCN đang quản lý là 3.267ha, trong đó diện tích còn lại 751,3ha; đơn giá cho thuê trung bình 124 USD/m2. Năm 2023, IDC dự kiến tiếp tục cho thuê khoảng 127,9ha. • 12/04/2023 ngày chốt danh sách tạm ứng cổ tức bằng tiền đợt 2 (2022) với tỷ lệ 20%/cổ phiếu.
POW	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	16-16,5	13,55	13,2	• Doanh thu 2022 sau kiểm toán giảm hơn 10 tỷ đồng, tổng chi phí điều chỉnh giảm hơn 255 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế tăng 245 tỷ đồng và lãi sau thuế tăng 230 tỷ đồng. Nguyên nhân do thay đổi về lợi nhuận của CTCP Điện lực dầu khí Nhơn Trạch 2. • Năm 2023, POW đặt kế hoạch doanh thu 30.332 tỷ đồng (tăng 25%), lợi nhuận 11.118 tỷ đồng (giảm 52%), sản lượng điện thương phẩm đạt 15.590 triệu kWh (tăng 10%). • Nhiệt điện than là điểm sáng của POW khi tổ máy số 1 của nhà máy Vũng Áng 1 kỳ vọng sẽ vận hành ổn định từ cuối quí I/2023. Quá trình sửa chữa hoàn tất với giá nguyên liệu hạ nhiệt sẽ giúp nhà máy tăng sản lượng trong năm 2023.

DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2023

Mã CK	Tên doanh nghiệp	Giá mục tiêu PTKT (nghìn đồng)	Giá cao nhất tháng 3/2023	Giá tại ngày 31/3/23	Ghi chú
DPR	CTCP Cao Su Đồng Phú	75-77	52,6	51	▪ Phát hành 443.025 cổ phiếu (4,43 tỷ đồng) để hoán đổi toàn bộ cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú - Đak Nông. Nâng số lượng cổ phiếu lưu hành lên 43.442.966 cổ phiếu.
PLC	Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex	33-34	35,6	33,3	• Mảng nhựa đường đóng góp ~50% doanh thu 2022 của PLC. Theo số liệu cập nhật đến 2020, PLC chiếm khoảng 30% thị phần với hệ thống kho – phân phối rộng khắp cả nước. Lãi sau thuế 2022 sau kiểm toán giảm 16,2 tỷ xuống 116,9 tỷ đồng (-33% YoY) do công ty con Hóa chất nộp thêm thuế TNDN • Hưởng lợi trực tiếp từ hoạt động đầu tư các tuyến cao tốc giai đoạn 2023-2025 của Chính phủ khi PLC là nhà cung cấp nguyên vật liệu cho nhiều dự án trọng điểm, đặc biệt các dự án thành phần Cao tốc Bắc Nam GĐ1 và GĐ2. • Rủi ro: (1) Rủi ro tỷ giá và giá nguyên vật liệu đối với mảng mỡ nhờn, (2) Rủi ro cạnh tranh mảng hóa chất, và (3) Rủi ro chậm giải ngân đầu tư công đối với mảng nhựa đường.
FPT	CTCP FPT	120	80,7	79,1	• ĐHCĐ thông qua kế hoạch doanh thu 52.289 tỷ đồng (+18,2%) và lợi nhuận trước thuế 9.055 tỷ (+19%). Doanh thu Khối công nghệ dự kiến 31.150 tỷ đồng (+21%), chiếm gần 60% tổng doanh thu. Doanh thu khối viễn thông 16.739 tỷ (+14%) và giáo dục, đầu tư khác 4.400 tỷ (+25%). Lợi nhuận khối công nghệ dự kiến 4.166 tỷ đồng (+24%), khối viễn thông 3.230 tỷ khối giáo dục, đầu tư và khác 1.659 tỷ đồng. • Chia cổ tức năm 2022 theo tỷ lệ 20% tiền mặt và 15% bằng cổ phiếu. Năm 2023, FPT dự kiến chia cổ tức 2.000 đồng/cp. • Doanh thu Quý I ước tăng 18%, lợi nhuận tăng >18% so cùng kỳ.

DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2023

Mã CK	Tên doanh nghiệp	Giá mục tiêu PTKT (nghìn đồng)	Giá cao nhất tháng 3/2023	Giá tại ngày 31/3/23	Ghi chú
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	50-52	48,0	46,2	• Ngân hàng dẫn đầu về quy mô tổng tài sản (2,1 triệu tỷ đồng), huy động (1,62 triệu tỷ đồng) và cho vay (dư nợ 1,52 triệu tỷ đồng). • Ngân hàng có cải thiện đáng kể về nền tảng cơ bản trong giai đoạn 2020-2022. ROE đã tăng gấp đôi từ 9% lên 19%, tỷ lệ nợ xấu giảm từ 1,76% xuống 1,16%, tỷ lệ bao phủ nợ xấu 217%, cao thứ 3 toàn ngành. • Hệ số an toàn vốn vẫn là điểm hạn chế của BID. Cuối năm 2022, hệ số an toàn vốn CAR của BID đạt 8,76%, vẫn áp dụng tỷ lệ an toàn vốn theo TT41/2016, chưa áp dụng tỷ lệ 9% theo TT22/2019. • Câu chuyện đầu tư: Tập trung tăng vốn điều lệ để cải thiện chất lượng tài sản. BID sẽ trả cổ tức 2021 bằng cổ phiếu tỷ lệ 12%, chào bán ra công chúng hoặc chào bán riêng lẻ tỷ lệ 9%.
STB	Ngân hàng TMCP Sài gòn Thương Tín	29-30	27,1	26,2	• Năm 2022, STB đạt 6.339 tỷ đồng LNTT, trong đó LNTT trước trích lập Đề án tái cơ cấu là 19.940 tỷ đồng. NIM cải thiện đạt 3,35% do STB đã hoàn thành trích lập dự phòng lãi dự thu thuộc đề án tái cơ cấu. Kế hoạch lợi nhuận 2023 là 9.500 tỷ đồng (EPS 2023 đạt 4.000 đ/cp), tăng 50% YoY. STB tiếp tục chưa chia cổ tức năm 2022-2023. • Giai đoạn tái cơ cấu giúp STB lành mạnh hóa khoản mục tài sản, hạn chế rủi ro nợ xấu mới phát sinh, không chịu rủi ro mảng trái phiếu doanh nghiệp. Tỷ lệ nợ xấu của STB đã giảm mạnh, từ 6,68% tại thời điểm năm 2017 xuống còn 0,98% vào cuối năm 2022, tỷ lệ bao phủ nợ xấu 131%. Nợ xấu và tài sản tồn đọng của STB thuộc đề án tái cơ cấu hiện còn khoảng 4,3% tổng tài sản, tương đương 22.300 tỷ đồng. Trái phiếu VAMC của STB hiện còn 6.900 tỷ đồng, dự kiến có thể được trích lập toàn bộ trong năm 2023. • Câu chuyện đầu tư. Định hướng trình NHNN phương án xử lý 32% cổ phiếu đảm bảo do VAMC quản lý, đấu giá KCN Phong Phú để xử lý nợ. Chia cổ tức, bán cổ phần cho cổ đông chiến lược sau khi tái cơ cấu.

DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2023

Mã CK	Tên doanh nghiệp	Giá mục tiêu PTKT (nghìn đồng)	Giá cao nhất tháng 3/2023	Giá tại ngày 31/3/23	Ghi chú
GMD	CTCP Gemadept	59-60	52,6	51,5	• Cảng Quốc tế Gemalink đón siêu tàu container M/V OOCL Spain (24.188 TEU) lớn nhất thế giới lần đầu tới Việt Nam. • GMD có thể ghi nhận lãi bất thường từ thoái toàn bộ vốn (~85%) tại cảng Nam Hải Đình Vũ trong năm 2023. Dự án cảng Nam Đình Vũ giai đoạn 2 với công suất tương đương cảng Nam Hải Đình Vũ hoàn thành đầu năm 2023 có thể đạt mục tiêu lấp đầy 100% công suất ngay sau khi đi vào hoạt động. • Dự án Gemanlink GĐ2 đang được triển khai và dự kiến đưa vào khai thác từ 2024.
PVT	Tổng CTCP Vận tải Dầu khí	26-28	21,7	20,7	▪ PVTrans đặt KH2023 tổng doanh thu hợp nhất đạt 6.800 tỷ đồng (-29% YoY), lợi nhuận sau thuế 538 tỷ đồng (-53% YoY). ▪ Kế hoạch đầu tư năm 2023, PVT dự kiến chi 4.114 tỷ đồng cho hoạt động đầu tư. Trong đó, 3.854 tỷ đồng dành cho đầu tư tàu và 260 tỷ đồng đầu tư góp vốn vào các đơn vị thành viên.
CSV	CTCP Hóa chất Cơ bản miền Nam	35-36	28,05	27,4	• CSV là một trong số các đơn vị sản xuất hoá chất vô cơ lớn nhất cả nước. • Khả năng tài chính mạnh với lượng tiền mặt 525 tỷ đồng (30% tài sản), dư nợ vay thấp (126 tỷ đồng, tương đương 43% tổng nợ phải trả), tài sản cố định dự kiến hết khấu hao vào cuối năm 2025. CSV có lịch sử trả cổ tức tốt (Trung bình 50% lãi sau thuế hàng năm). • CSV đặt KH2023 doanh thu hợp nhất 1.956 tỷ đồng (-7% YoY), lãi trước thuế hợp nhất 270.4 tỷ đồng (-47% YoY).
PNJ	CTCP Vàng bạc đá quý Phú Nhuận	120	81,2	77,7	• Một trong những thương hiệu trang sức uy tín tại Việt Nam với 368 cửa hàng, 6 thương hiệu. • Tình hình tài chính với hệ số nợ/vốn chủ 55% (TB ngành là 162%), ROE đạt 24,75% (TB ngành là 18,76%). KH2023 doanh thu đạt 35.600 tỷ đồng (+5,1% YoY), lãi sau thuế 1.937 tỷ đồng (+6,9% YoY), cổ tức 20%. • Doanh thu 2 tháng đầu năm 2023 đạt 6.976 tỷ đồng (-1,3% YoY), lãi sau thuế 556 tỷ đồng (+6,4 YoY).

DANH SÁCH MÃ BỔ SUNG THÁNG 04/2023

Mã CK	Tên doanh nghiệp	Giá mục tiêu PTKT (nghìn đồng)	T.trưởng Doanhthu TTM	T.trưởng Lợi nhuận TTM	Ghi chú
GVR	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	19-20,5	-6,60%	-36,58%	• Doanh nghiệp đầu ngành sản xuất chế biến cao su tự nhiên tại Việt Nam với 400.000ha (115.000 ha tại Lào và Campuchia), chiếm khoảng 30% diện tích và sản lượng cả nước. Sở hữu 15 công ty chế biến gỗ với 18 nhà máy, tổng công suất thiết kế 1,1 triệu m3/năm. • GVR lập kế hoạch năm 2023 doanh thu đạt 28.600 tỷ đồng (+112% YoY), lợi nhuận trước thuế 5.200 tỷ đồng (-8,8%). • Triển vọng: 1/Nhu cầu cao su tự nhiên từ Trung Quốc phục hồi sau giai đoạn phòng chống Covid; 2/Mở rộng diện tích các KCN thông qua chuyển đổi đất trồng cây cao su và phát triển mới nhằm đón đầu xu hướng chuyển dịch đầu tư từ các quốc gia sang Việt Nam. Hiện tại GVR đang khai thác 3.932ha diện tích các KCN tại Tp. HCM, Bình Dương, Đồng Nai, Bình Phước...và mục tiêu tới năm 2025 sẽ phát triển thêm 19.513ha, nâng tổng diện tích các KCN lên 23.444ha (1.734ha đang triển khai các thủ tục đầu tư). 3/Nghị định 10 bổ sung Luật Đất đai sẽ giúp đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án KCN của GVR.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng phụ trách: Ngô Thế Hiển
Hien.nth@shs.com.vn

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
Cuong.hnv2@shs.com.vn

Trưởng nhóm: Phan Tấn Nhật
Nhat.pt@shs.com.vn

Trưởng nhóm: Đoàn Thị Ánh Nguyệt
Nguyet.dta@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
Thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Trần Hồng Mây
May.th@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
Kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi Bloomberg, FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:
Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội
Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Q. Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh
Tầng 3, Cao Ốc Sài Gòn Metropolitan
Số 235 Đồng Khởi, P. Bến Nghé, Q1,
Thành phố Hồ Chí Minh
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng
Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn